

Số: 896 /BC-CPC

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

V/v Công bố thông tin ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chức khoán Hà Nội;
- Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh;

- Tên Công ty:** Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV
- Địa chỉ trụ sở :** Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại:** (0203) 3731 030 **Fax:** (0203) 3730 956
- Website:** www.nhietdiencampha.com.vn
- EMail:** nhietdiencamphaqn@gmail.com
- Người phụ trách công bố thông tin:** Ông Nguyễn Đăng Thành, Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty.
- Nội dung thông tin:** Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(Kèm theo Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019)

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty như sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị. Gồm ông, bà sau:

Đại hội bầu ông Nguyễn Trung Thực làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty, thay ông Nguyễn Văn Hải thôi tham gia HĐQT.


Tại phiên họp của Hội đồng Quản trị Công ty các thành viên đã bầu ông Nguyễn Trung Thực giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

b. Thành viên Ban kiểm soát. Gồm ông, bà sau:

Đại hội bầu ông Nguyễn Văn Đức làm thành viên Ban kiểm soát, thay bà Nguyễn Thị Dung nghỉ hưu từ ngày 01/3/2019.

- Thời gian giữ chức vụ: Kể từ ngày được bầu và kết thúc cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

Công ty xin thông báo kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đến Quý cơ quan và các cổ đông trong Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK .



GIÁM ĐỐC

Thân Thế Đăng



CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /BB-ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV

Địa chỉ trụ sở: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700428470 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 04/11/2002, thay đổi lần thứ 6 ngày 24/06/2016;

Thời gian: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 15 phút ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Địa điểm: Tại Hội trường Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Số cổ đông tham dự Đại hội: 07 cổ đông, chiếm: 93,650% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết như sau:

TT	Các cổ đông	Số cổ phần đại diện	Tỉ lệ biểu quyết (%)
I	Các cổ đông pháp nhân		
1	Tổng công ty Điện lực - TKV	175.717.907	89,21
2	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin	2.179.900	1,11
3	Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin	2.179.900	1,11
4	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	2.179.900	1,11
5	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	2.179.900	1,11
II	Cổ đông cá nhân		
1	Nguyễn Thị Huệ	20.000	0,0001
2	Phạm Thái Cẩn (NUQ Đào Trung Kiên)	14.000	0,0071
	Tổng số	184.471.507	93,650

Số cổ đông vắng mặt: 12.509.115 cổ phần chiếm 6,350 % tỉ lệ biểu quyết tại Đại hội.

Ngoài các cổ đông, HĐQT, BKS tham dự theo quy định của Điều lệ, HĐQT đã mời các ông, bà trong Ban Giám đốc, đại diện Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các Trưởng phòng, Quản đốc, Tổ trưởng ca tham dự Đại hội.

Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT.

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Thủ tục khai mạc Đại hội:

1. Ôn định, chào cờ.

2. Ban tổ chức giới thiệu các đại biểu tham gia Đại hội.

3. Chủ tọa điều hành và cử Thư ký Đại hội. Theo đó Chủ tọa đã cử:

Ông Nguyễn Đăng Thành và ông Đỗ Ngọc Tài làm Thư ký Đại hội.

• HĐQT đề cử Tổ kiểm phiếu gồm:

- | | |
|--|-------------|
| - Ông Ngô Quang Trung-Chánh VP Đảng ủy: | Tổ trưởng; |
| - Ông Trần Trung Phong-Cán bộ phòng KTAT: | Thành viên; |
| - Bà Nguyễn Thị Thu Huyền-Cán bộ phòng KTAT: | Thành viên; |

• HĐQT đề cử Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

- | | |
|--|-------------|
| - Ông Trần Việt Anh-Trưởng phòng Tổ chức Hành chính: | Trưởng ban; |
| - Ông Bùi Văn Thức-Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn: | Ủy viên; |
| - Ông Nguyễn Văn Bình-Phó phòng KHĐTVT | Ủy viên; |

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

Thông qua chương trình và quy chế Đại hội và đã được ĐH biểu quyết thông qua.

II. Các báo cáo trình bày tại Đại hội:

1. Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019.

2. Báo cáo về phân chia cổ tức và phân phối LN năm 2018 và KH năm 2019.

3. Báo cáo về tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và Viên chức quản lý năm 2018; Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

6. Báo cáo của BKS thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

8. Báo cáo về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019.

9. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS Công ty.

(có các báo cáo kèm theo)

III. Ý kiến tham gia của các cổ đông:

1. Ý kiến của cổ đông Công ty Cổ phần Tây Nam Đá Mài-Vinacomin.



- Công ty chúng tôi có chủ trương thoái toàn bộ vốn tại CPC, đề nghị Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả xem xét (đã gửi cho Chủ tọa Đại hội văn bản đề nghị thoái vốn).

- Năm 2018 kế hoạch lợi nhuận là 50 tỷ nhưng kết quả lại lỗ 414 tỷ, đề nghị làm rõ các nguyên nhân gây lỗ.

- Năm 2019 Công ty xây dựng kế hoạch lãi khoảng 2,3 tỷ đã hợp lý chưa.

- Đề nghị cho biết số cuộc họp của HĐQT có phải là 55 không? họp nhiều như vậy mà sao hiệu quả vẫn thấp.

- Đề nghị giải thích rõ hơn trong tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 không nêu danh sách các đơn vị kiểm toán.

2. Chủ tọa đề nghị Giám đốc, Trưởng BKS trả lời các nội dung trên.

a) Ông Thân Thế Đảng - Giám đốc Công ty trả lời:

Năm 2018 doanh thu của Công ty không đạt do sản lượng thấp, trong khi đó các chi phí vẫn phải thực hiện. Cụ thể như chi phí khắc phục sự cố, khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay...

Năm 2019 Công ty tiếp tục tập trung khắc phục khiếm khuyết các thiết bị của nhà máy, vì vậy số giờ hoạt động có thể giảm dẫn đến sản lượng cũng giảm theo, trong khi các chi phí vẫn tăng dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm. Chi tiết đã được nêu trong báo cáo, đề nghị cổ đông nghiên cứu kỹ các báo cáo.

b) Bà Lưu Thị Thu Hà - Trưởng BKS..

- Hội đồng quản trị họp 55 cuộc bảo gồm trực tuyến, trực tiếp, xin ý kiến biểu quyết bằng văn bản nhằm giải quyết kịp thời các nội dung do Giám đốc trình và giải quyết, chỉ đạo các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp đều có Biên bản, Nghị quyết.

- Về lựa chọn Công ty kiểm toán Ban KS không nêu danh sách chi tiết các đơn vị kiểm toán do trong tờ trình của Ban KS đã có nội dung trình ĐHCĐ xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty Điện lực - TKV và là công ty kiểm toán được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

c) Ông Nguyễn Văn Hải chủ tọa: Cổ phiếu của Công ty CPC đã được giao dịch trên sàn Upcom, vì vậy các cổ đông có nhu cầu thoái vốn thì thực hiện giao dịch trên sàn Upcom. Văn bản đề nghị thoái vốn của Cổ đông sẽ chuyển cho HĐQT công ty CPC xem xét.


IV. Biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.



2. Thông qua báo cáo về phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018 và năm 2019.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua báo cáo về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý năm 2018; Đề xuất tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và năm 2019.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

6. Thông qua báo cáo của BKS thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

7. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

8. Thông qua báo cáo về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

9. Đại hội đã bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS Công ty. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Trung Thực - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP, tham gia HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.



- Ông Nguyễn Văn Đức, Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty CPC, tham gia Ban KS và giữ chức Kiểm soát viên Công ty.

10. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đồng ý: 184.471.507 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Đăng Thành

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Văn Hải



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

Số 30 /NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (sửa đổi bổ sung lần 8) được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 26/4/2018;

Căn cứ biên bản số: 29 /BB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019 với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả SXKD, đầu tư năm 2018:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
I	Sản xuất điện				
1	Điện phát	MWh	3 600 000	2 715 406	75%
2	Điện thương phẩm	MWh	3 234 960	2 406 698	74%
3	Điện tự dùng	MWh	365 040	308 709	85%
II	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4 711 976	3 600 233	76%
1	Doanh thu điện thương phẩm	"	4 234 182	3 202 834	
2	Doanh thu điện tự dùng	"	477 794	394 136	
3	Doanh thu khác	"		3 262	
III	Lợi nhuận		50 000	- 414 028	
IV	Lao động và thu nhập				
1	Lao động định mức	người	620	596	96%
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	8,3	7,26	88%
V	Đầu tư XDCB	tr.đồng	15.988	15 472	97%

1	Xây dựng	-	300	-	
2	Thiết bị	-	15 108	14 969	99%
3	CP tư vấn và khác	-	580	502	87%
VI	Các định mức KTKT				
1	Suất tiêu hao than	Kg/kWh	0,632	0,65	103%
2	Điện động lực	%	11,59	12,16	105%
3	Nước công nghiệp	M3/MWh	0,29	0,322	111%

2. Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
I	Chỉ tiêu sản lượng		
	Điện sản xuất	MWh	3.500.000
	Điện thương phẩm	-	3.145.100
	Giá bán điện	đồng/kWh	1.284,89
II	Chỉ tiêu giá trị		
1	Doanh thu	tr.đồng	4.497.102
	Doanh thu điện thương phẩm	-	4.041.096
	Doanh thu nội bộ	-	456.006
2	Chi phí	-	4.494.733
2.1	Chi phí trung gian	-	3.839.663
	(bao gồm chi phí Nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, thuê ngoài và khác)		
	<i>Trong đó lãi vay</i>		325.360
2.2	Giá trị gia tăng	-	598.699
	Khấu hao TSCĐ	-	530.295
	Tiền lương	-	60.077
	- Tiền lương sản xuất		58.227
	- Tiền lương viên chức quản lý		1.850
	BHXH, YT, CD	-	8.328
2.3	Chi phí trung đại tu		56.371
3	Lợi nhuận	-	2.369
4	Lao động và thu nhập		
	Lao động	người	482
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	10.215
III	Đầu tư xây dựng		33.550
1	Thiết bị	tr.đồng	0
2	Xây dựng	tr.đồng	28.970
3	CP tư vấn và khác	tr.đồng	4.580
IV	Các định mức kinh tế kỹ thuật		
1	Suất tiêu hao than	kg/kWh	0,632
2	Điện động lực	%	10,14
3	Nước công nghiệp	m3/MWh	0,29

Chú

Điều 2. Thông qua việc phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018 và năm 2019.

Năm 2018: Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty không thực hiện chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018.

Năm 2019: Do công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên chưa thể chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019.

Điều 3. Thông qua chi phí thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Người quản lý năm 2018 và kế hoạch chi phí thù lao, tiền lương thành viên HĐQT, BKS năm 2019 như sau:

a. Năm 2018 Công ty đã thực hiện chi trả:

- Tổng nguồn tiền lương trả cho Người quản lý (Ban lãnh đạo điều hành) và thù lao trả cho thành viên HĐQT của Công ty là 1.866.804.000 đồng. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT	Tiền lương	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	59.280.000		59.280.000
2	Thân Thế Đăng	Ủy viên HĐQT - GĐ	52.560.000	298.014.000	350.574.000
3	Ngô Minh Thắng	Ủy viên HĐQT	52.560.000		52.560.000
4	Trần Văn Hoan	Ủy viên HĐQT - PGĐ	52.560.000	264.414.000	316.974.000
5	Lưu Mạnh Thắng	Ủy viên HĐQT (1/1-26/4) KTT (1/1-8/4)	17.520.000	65.687.368	83.207.368
6	Lưu.T. Minh Thanh	Ủy viên HĐQT (27/4-31/12) KTT (9/4-31/12)	35.040.000	175.926.632	210.966.632
7	Vũ Đức Quảng	Phó GĐ		264.414.000	264.414.000
8	Nguyễn Đình Tuấn	Phó GĐ		264.414.000	264.414.000
9	Vương Đình Đê	Phó GĐ		264.414.000	264.414.000
	Tổng cộng		269.520.000	1.597.284.000	1.866.804.000

004
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
TK
-T-

Handwritten signature

Tổng nguồn tiền lương và thù lao trả cho Ban kiểm soát năm 2018 là: 360.414.000 đồng. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao BKS	Tiền lương	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Thị Dung	Trưởng BKS chuyên trách		264.414.000	264.414.000
2	Lưu.T. Minh Thanh	Ủy viên (1/1-26/4/2018)	16.000.000		16.000.000
3	Lưu Thị Thu Hà	Ủy viên (27/4-31/12/2018)	32.000.000		32.000.000
4	Đặng Thị Bảo Thái	Ủy viên	48.000.000		48.000.000
	Tổng cộng		96.000.000	264.414.000	360.414.000

* Tổng số tiền thù lao và lương trả cho HĐQT, Người quản lý BKS là: 2.227.218.000 đồng.

Việc chi trả thực hiện theo đúng quy định của CPC và ĐLTKV.

b. Đề xuất mức chi trả thù lao năm 2019:

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-ĐLTKV ngày 14/6/2017 của Tổng Công ty Điện lực-TKV về việc Ban hành mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong Tổng công ty Điện lực-TKV. Mức thù lao được áp dụng mức tối đa là 20% mức lương thực hiện của Viên chức quản lý chuyên trách tương ứng;

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua phương án trả, thù lao cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS Công ty như sau:

Chức danh	Cách tính	Thù lao (đ)	Lương (đ)
Chủ tịch HĐQT	$24.700.000đ \times 20\% \times 12 \text{ tháng} \times 1ng$	59.280.000	
Thành viên HĐQT	$21.900.000đ \times 20\% \times 12 \text{ tháng} \times 4ng$	210.240.000	
Trưởng BKS chuyên trách	$21.900.000đ \times 2 \text{ tháng} \times 1ng$		43.800.000
Trưởng BKS kiêm nhiệm	$21.900.000đ \times 20\% \times 10 \text{ tháng} \times 1ng$	43.800.000	
Thành viên BKS	$20.000.000đ \times 20\% \times 12 \text{ tháng} \times 2ng$	96.000.000	

Chữ

Tổng số tiền chi trả thù lao năm 2019 là: 453.120.000 đ (Bốn trăm năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Hàng tháng được tạm chi trả 80% mức thù lao theo kế hoạch. Còn lại 20% được quyết toán chi trả theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS.

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty, không hạch toán vào quỹ tiền lương.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018. (Có báo cáo kèm theo)

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 (Có báo cáo kèm theo).

Điều 6. Thông qua báo cáo của BKS về thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018. (Có báo cáo kèm theo).

Điều 7. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về kết quả SXKD và đánh giá các mặt quản lý năm 2018. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 (Có báo cáo kèm theo).

Điều 8. Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 (Có báo cáo kèm theo).


Điều 9. Đại hội đã bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS Công ty. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Trung Thực - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP, tham gia HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Ông Nguyễn Văn Đức, Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty CPC, tham gia Ban KS và giữ chức Kiểm soát viên Công ty.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Đại hội giao cho HĐQT Công ty tổ chức thực hiện Nghị quyết này (Kể cả việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp tiếp theo).

Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV năm 2019 đã được tiến hành hợp pháp, tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- UBCK NN (b/c);
- Sở giao dịch chứng khoán HN (b/c);
- Sở KHĐT Quảng Ninh;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, KTTTr;
- Lưu: VT, TK.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Văn Hải

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ
NĂM 2018, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua và Hội đồng quản trị (HĐQT) giao tại Quyết định số 111/QĐ-NĐCP ngày 26/04/2018.

Giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả SXKD, ĐTXD năm 2018 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2019. Báo cáo bao gồm các nội dung như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2018

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2018 là một năm Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD do các tổ máy gặp nhiều sự cố, công suất huy động thấp, nên không tận dụng hết được lợi thế từ thị trường điện và sản lượng hợp đồng Qc giao. Đồng thời, do ảnh hưởng bởi 4 lần sự cố lớn tuabin S2 và máy phát S1 và các sự cố dừng lò hơi dẫn đến sản lượng điện không đạt kế hoạch đề ra và các chi phí sản xuất phát sinh tăng. Chi phí SXKD của Công ty năm 2018 còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chi phí lãi vay ngắn hạn do tài chính của Công ty gặp một số khó khăn do thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời Ngân hàng xếp hạng tín dụng Công ty ở nhóm 2 nên cho vay với mức lãi suất cao. Tỷ giá ngoại tệ VND/USD tăng cao dẫn đến chênh lệch tỷ giá thực hiện và đánh giá lại năm 2018 là 47 tỷ đồng. Ngoài ra do Nhà máy gặp nhiều khiếm khuyết thiết bị đòi hỏi phải thực hiện việc khắc phục các khiếm khuyết đó đã làm tăng đáng kể chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, cán bộ công nhân viên Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được một số kết quả nhất định.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, ĐT năm 2018

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018:

- Tổng sản lượng điện sản xuất trong năm là 2,715,406 MWh bằng 75,4% so với kế hoạch năm, trong đó sản lượng điện thương phẩm là 2.406.697 MWh và điện tự dùng là 308.709 MWh.

- Sản lượng điện sản xuất đạt thấp do trong điều kiện thị trường điện có nhu cầu cao thì các tổ máy phải dừng sửa chữa vì các sự cố khách quan của thiết bị như: Sự cố gãy đai xuyên tầng cánh cuối phía máy phát dẫn đến phải dừng tổ máy S2 tháng 3 (22 ngày); Sự cố chạm đất stator máy phát S1 tháng 4. Ban đầu thuê nhà thầu trong nước

xong đơn vị này thiếu kinh nghiệm nên phải thuê nhà thầu Trung Quốc sang khắc phục (81 ngày); Trong năm, các lò hơi thời gian vận hành đạt thấp do sự cố liên quan tới bụi ống sinh hơi (15 lần), bụi ống quá nhiệt (3 lần), bụi ống bộ hâm (3 lần) phải ngừng sửa chữa nhiều đặc biệt là đối với các lò hơi số 1 và số 2.

- Tổng doanh thu trong năm là 3.600 tỷ đồng bằng 76,4% so với kế hoạch năm, trong đó doanh thu điện thương phẩm là 3.203 tỷ đồng, doanh thu điện tự dùng là 394 tỷ đồng và doanh thu khác là 3 tỷ đồng.

- Tổng chi phí là 4.014 tỷ đồng bằng 86,7% so với kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trong năm là - 414 tỷ đồng.

- Lao động bình quân: 596 người.

- Tiền lương bình quân: 7,26 trđ/ng/th.

(Chi tiết như biểu kèm theo).

2. Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng:

Kết quả ĐTXD 2018:

- Tổng giá trị thực hiện: 15.472 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch, trong đó:

+ Thiết bị: 14.969 triệu đồng;

+ Tư vấn và khác: 502 triệu đồng.

3. Đánh giá việc thực hiện các mặt quản lý:

a. Về công tác quản lý kỹ thuật

- Công tác quản lý vận hành:

Công tác chạy thử, chuyển đổi các thiết bị đã được thực hiện thường xuyên theo quy định.

Lý lịch thiết bị: Công ty đã ban hành và thực hiện việc cập nhật lý lịch thiết bị cho từng hệ thống thiết bị trong dây chuyền sản xuất của Nhà máy. Công ty đã lập lý lịch cho 609 thiết bị.

Ban hành được các quy định, phương án hướng dẫn vận hành phù hợp với điều kiện thực tế của hệ thống thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

Công tác diễn tập xử lý sự cố được thực hiện mỗi tháng một lần đối với 04 kíp vận hành.

Hệ thống các qui trình vận hành, SCBD đã được hiệu chỉnh, ban hành mới theo tiêu chuẩn ISO: Đã ban hành hoàn thiện 53 qui trình vận hành, 49 qui trình BDSC.

+ Triển khai đốt than thử nghiệm sử dụng nguồn than cám 6b.4 kéo từ các mỏ khu vực miền Tây (Mạo Khê) hoặc sử dụng nguồn than hỗn hợp theo tỉ lệ 55:45, than cám kéo mỏ 7A và than cám tiêu chuẩn 6a.1.

- Công tác sửa chữa:

Trong năm 2018 Công ty đã thống nhất các bước công việc trong công tác sửa chữa thường xuyên và tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc liên quan. Mặt khác khi các thiết bị có sự cố, Công ty cũng đã kịp thời có quyết định đưa thiết bị ra sửa chữa, lập kế hoạch sửa chữa cho từng hạng mục. Do vậy các công tác sửa chữa thường xuyên năm 2018 được tiến hành kịp thời cơ bản đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra.

Lực lượng sửa chữa và công tác tổ chức đã có nhiều cố gắng và có một số chuyên biến trong tổ chức, điều hành. Thực hiện xây dựng kế hoạch sửa chữa cho từng tháng, tuần, ngày và thực hiện kế hoạch nhu cầu vật tư căn cứ trên kế hoạch sửa chữa. Tập trung vào công tác khắc phục các khiếm khuyết.

Nhìn chung, công tác tổ chức sửa chữa đã được thực hiện đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất. Một số nội dung công việc khó, tồn đọng lâu đã từng bước được giải quyết như:

+ Lắp đặt bao che khu vực chân hồi liệu sát lò, qua đó giảm thiểu bụi phát tán khu vực tường sau lò hơi.

+ Lắp đặt lưới chắn rác đường nước biển đầu vào các bộ làm mát nhằm tăng hiệu suất trao đổi nhiệt, giảm nhiệt độ nước làm mát tuần hoàn kín.

+ Đo kiểm tra chiều dày ống sinh hơi lò hơi số 1, 2, thay thế nhiều vị trí ống có hiện tượng ăn mòn cục bộ bên trong nhằm giảm thiểu sự cố bục ống khi vận hành lò hơi. Tuy nhiên, do hiện tượng ăn mòn bên trong lòng ống sinh hơi xuất hiện nhiều điểm nên công tác thay thế ống vẫn chưa đạt yêu cầu. Năm 2019 và các năm tiếp theo, Công ty sẽ kết hợp thay thế dần các ống có khiếm khuyết, kết hợp với công tác trung đại tu lò hơi nhằm đưa lò hơi vào vận hành ổn định, kinh tế.

+ Thay thế van giảm ôn bypass cao áp của cả 4 lò hơi, qua đó hạn chế tối đa hiện tượng xung kích đường ống khi dừng một lò của cả hai tổ máy.

+ Thay dầu EH cho cả hai tổ máy, hiện tượng hỏng van servo khi vận hành sau khi thay thế dầu không còn xảy ra.

- Công tác sửa chữa tài sản cố định cấp trung đại tu:

Các hạng mục năm 2017 chuyển tiếp sang năm 2018 gồm 8 hạng mục, trong đó hoàn thành 04 hạng mục và chuyển tiếp 04 hạng mục sang năm 2019 do phát sinh công việc hoặc hủy thầu phải tổ chức lựa chọn nhà thầu lần 2.

Các hạng mục trung đại tu thiết bị năm 2018 gồm 13 hạng mục, Công ty lập hồ sơ và tổ chức lựa chọn nhà thầu 11 hạng mục, đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu 02 hạng mục. Hạng mục Tuabin- Máy phát tổ máy S2 phát sinh tăng cánh số 7 và một số phần việc sửa chữa stato máy phát nên Công ty lập dự toán điều chỉnh trình Tổng công ty Điện lực- TKV phê duyệt. Hạng mục hệ thống DCS tổ máy S1 sẽ thực hiện sau khi hoàn thành nâng cấp cải tạo hệ thống DCS tổ máy S2. Các hạng mục đang tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc thời gian thực hiện hợp đồng các hạng mục tối thiểu 3 tháng, vì vậy chuyển tiếp trung tu các hạng mục năm 2018 sang năm 2019.

- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật:

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức xét duyệt 47 đơn đăng ký sáng kiến với kết quả công nhận 01 đề tài là sáng kiến cải tiến kỹ thuật; 27 đề tài là giải pháp hợp lý hóa sản xuất. Tổng giá trị làm lợi: 4,7 tỷ đồng.

b. Công tác quản lý tài chính kế toán:

- Lập BCTC phục vụ công bố thông tin đúng hạn.

- Công tác thu hồi công nợ tiền điện luôn đúng thời hạn theo Hợp đồng, không phát sinh nợ quá hạn.

- Công tác kế toán thống kê đã cập nhật nhanh và báo cáo kịp thời đúng quy định.

- Thực hiện tốt việc kiểm tra hồ sơ thanh toán cho các đơn vị cung cấp vật tư và dịch vụ đúng theo quy định của các hợp đồng đã ký;

- Thực hiện đầy đủ chính sách thuế của nhà nước, các chế độ chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn, công nợ.

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty tìm kiếm, huy động các nguồn vốn và tháo gỡ các khó khăn về nguồn vốn phục vụ cho sản xuất.

Một số chỉ tiêu và kinh tế, tài chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018
1	Doanh thu	Tr đ	4.711.976	3.600.233
2	Nộp ngân sách	Tr đ	80.381	34.063
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	50.000	-414.028

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Đầu kỳ	Cuối kỳ	So sánh	
					Tăng	Giảm
1	Nợ phải thu	Tr đ	612.688	788.504	28%	
2	Nợ phải trả	Tr đ	6.121.687	6.232.016	1%	

c. Công tác quản lý vật tư:

- Cơ bản đã cung ứng kịp thời vật tư cho sản xuất đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Việc quản lý và cấp phát vật tư luôn tuân theo quy chế về quản lý vật tư, công tác theo dõi sổ sách cập nhật các chứng từ thẻ kho đầy đủ. Việc tổ chức sắp xếp, bảo quản, cấp phát vật tư trong kho luôn được kiện toàn nhằm thuận tiện cho việc cấp phát cũng như theo dõi, quản lý hàng hóa.

d. Công tác kế hoạch, quản trị chi phí:

- Công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng đã được chủ động trên cơ sở điều kiện, năng lực sản xuất của Công ty gắn với thị trường và là cơ sở để các đơn vị trong Công ty triển khai thực hiện trong các tháng của năm.

- Xây dựng và hoàn chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình năm 2018 và đã được cấp trên phê duyệt để làm cơ sở và xây dựng các kế hoạch triển khai trong thời gian tới.

- Theo dõi và tập hợp các chi phí sản xuất trong tháng, quý kịp thời, theo dõi, tổng hợp phục vụ công tác quản lý và điều hành của Công ty và các yêu cầu quản lý của cấp trên.

- Công tác lập, quản lý các hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng chặt chẽ đảm bảo các quy định theo pháp luật và kịp thời đã giúp tháo gỡ các vướng mắc trong việc cung cấp vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan phục vụ sản xuất.

- Công tác lập dự toán, thanh quyết toán việc cải tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, vật kiến trúc đảm bảo đúng quy trình và không để xảy ra các sai sót hoặc vi phạm về quản lý kinh tế.

e. Công tác quản lý đầu tư xây dựng:

Công tác quản lý ĐTXD 2018 được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giao hàng năm.

- *Thực hiện kế hoạch ĐTXD*

+ Giá trị thực hiện ĐTXD cơ bản 15.472 tr.đ, đạt 97% giá trị kế hoạch, chi tiết như sau:

(Đvt: tr.đ)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ
I	Công trình chuyển tiếp	13.955	13.776	99%
	Dự án nhóm C	13.955	13.776	99%
1	Chi phí xây lắp	300		
2	Chi phí thiết bị	13.401	13.500	101%
3	Chi phí khác	254	276	109%
II	Công trình khởi công mới	1.707	1.469	86%
1	Chi phí xây lắp			
2	Chi phí thiết bị	1707	1.469	86%
3	Chi phí khác			
III	Chuẩn bị dự án	326	226	69%
	Tổng cộng	15.988	15.472	97%

+ Tình hình thực hiện các dự án

- Các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2018: (1) Xây dựng và áp dụng HT QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; (2) Đầu tư hệ thống giám sát phát thải các lò hơi số 1,2,3 và 4 NMNĐ Cẩm Phả và kết nối với TTQTMT tỉnh QN; (3) Mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018. CPC đã và đang tổ chức lập, phê duyệt báo cáo quyết toán dự án:

- Các dự án: (1) Dự án lắp đặt hệ thống đo đếm dự phòng 2; (2) Dự án nâng cấp HT điều khiển tự động Tổ máy S2, NMNĐ Cẩm Phả đang thực hiện đầu tư.

- Các dự án đang tiếp tục được nghiên cứu trong năm 2019: (1) Dự án sản xuất VLXD từ tro xỉ của NMNĐ Cẩm Phả; (2) Dự án nâng cấp hệ thống lọc bụi tĩnh điện; (3) Dự án Đầu tư tháp giải nhiệt nước làm mát tuần hoàn kín, NMNĐ Cẩm Phả; (4) Dự án Đầu tư hệ thống thiết bị và phần mềm giám sát rò rỉ bình ngưng NMNĐ Cẩm Phả; (5) Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2019, NMNĐ Cẩm Phả; (6) Dự án Đầu tư nâng cấp hệ thống giám sát độ rung các thiết bị chính.

- Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Phê duyệt quyết toán Dự án cải tạo hệ thống thải xỉ đáy lò hơi và Dự án đầu tư bãi chứa tro xỉ số 2.

Về việc phê duyệt các Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành NMNĐ CP1 & CP2: Dự án NMNĐ Cẩm Phả 1 & 2 đã xong. Công ty đã quyết toán với nhà thầu xây dựng nhà máy Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2, bên Kiểm toán dự án đã kiểm toán xong và phát hành báo cáo dự án hoàn thành cho dự án Cẩm Phả 2 và dự án Cẩm Phả 1. Công ty đã có công văn xin ý kiến Tổng công ty về việc thay đổi cơ cấu tổng mức đầu tư và cơ cấu Tổng dự toán.

Đánh giá:

Công tác ĐTXD năm 2018 được thực hiện theo đúng kế hoạch được duyệt. Quá trình thực hiện cơ bản tuân thủ theo hướng dẫn, quy định hiện hành về quản lý ĐTXD, về đấu thầu của Công ty, Tổng công ty và Nhà nước.

f. Công tác quản lý về Tổ chức, Lao động, Tiền lương:

- Công tác tổ chức: đã tiến hành điều chỉnh lại một số vị trí làm việc, nhân sự trong một số đơn vị đáp ứng với tình hình thực tế để giúp cho các bộ phận tăng tính chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Công tác quản lý lao động: Các phòng chuyên môn đã phối hợp tổ chức kiểm tra công tác quản lý lao động và các vị trí làm việc của cán bộ nhân viên từ đó có các biện pháp chấn chỉnh kịp thời việc chấp hành nội quy lao động trong đơn vị.

- Công tác tiền lương: Sửa đổi quy định trả lương trong Công ty để đánh giá mức độ hoàn thành công việc từng cá nhân và tạo sự công bằng trong trả lương hàng tháng cho người lao động.

- Công tác tái cơ cấu: Theo chỉ đạo của HĐQT và Tổng giám đốc ĐLTKV, Công ty tạm dừng việc xã hội hóa bộ phận cấp dưỡng và bảo vệ để tập trung cho việc sản xuất kinh doanh đến đầu năm 2019 bắt đầu triển khai thực hiện, đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và của Công ty theo quy định của pháp luật.

Tổng số lao động có mặt đến thời điểm 01/01/2019 là 576 người, giảm tuyệt đối 40 người so với thời điểm 01/01/2018.

- Công tác tổ chức đào tạo: Tổ chức đào tạo bồi dưỡng xét nâng lương cho 51 cán bộ công nhân viên, tổ chức kèm cặp nâng bậc cho công nhân kỹ thuật là 111 người đúng đối tượng và chế độ. Tổ chức 105 lượt người tham dự các lớp học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của Tập đoàn, của các đơn vị trong địa phương và Công ty tổ chức, 01 người tham gia lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ tại nước ngoài. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ năm 2019.

- Công tác Văn hóa xã hội, chăm lo đời sống sức khỏe của cán bộ công nhân viên: Công ty đã đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo và cải thiện điều kiện làm việc cho CBCNV, quan tâm và chăm lo chế độ độc hại, ăn ca theo quy định của Nhà nước và quy định của Tổng công ty. Thực hiện nghiêm túc công tác trực và hỗ trợ y tế 24/24 giờ tại hiện trường và thăm khám sức khỏe cho người lao động, Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 599 người theo kế hoạch và đúng chế độ cho người lao động. Khám sức khỏe cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với yếu tố độc hại cho 283 người lao động của Công ty. Kiểm tra công tác vệ sinh trong bảo quản và chế biến thực phẩm tại các bếp ăn của Công ty. Tổ chức cho 111 CBCNV có thành tích đi tham quan học tập tại Quảng Bình và 55 CBCNV đi Hàn Quốc từ nguồn hỗ trợ của Tổng công ty và 01 CBCNV đi Hàn Quốc từ nguồn hỗ trợ của Công ty. Công tác rèn luyện văn hóa thể thao vẫn được duy trì phát triển tốt.

g. Công tác quản lý về ATVSLĐ, PCCC, Bảo vệ môi trường, PCTT:

- Tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm môi trường và vi phạm pháp luật về môi trường trong toàn Công ty. Thực hiện nghiêm việc quan trắc môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn, kiểm tra về thực hiện được quan tâm. Ý thức của người lao động về việc sử dụng các trang bị bảo hộ lao động, trang thiết bị an toàn phòng hộ cá nhân và trong việc chấp hành kỷ luật lao động, quy trình kỹ thuật an toàn đã được thực hiện tốt.

- Công tác huấn luyện an toàn luôn được chú trọng thực hiện đầy đủ và nghiêm túc theo quy định; Hoàn thiện các quy định về AT-VSLĐ trong nội bộ và thực hiện đầy đủ các kiến nghị của các đoàn kiểm tra về AT-VSLĐ và môi trường các cấp.

- Thực hiện và duy trì việc kiểm tra việc quản lý và sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về AT- VSLĐ, trong đó kiểm định định kỳ 97 thiết bị theo đúng thời hạn.

- Các loại hóa chất hiện đang sử dụng được phân loại, gắn nhãn, có biện pháp ứng phó sự cố theo quy định.

- Tổ chức hướng dẫn, phổ biến nội quy, quy định về an toàn vệ sinh lao động và tổ chức phê duyệt phương án thi công, biện pháp làm việc an toàn và thực hiện các đơn vị bên ngoài khi đến bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại Nhà máy.

- Kết hợp với cơ quan Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ninh tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho 70 người thuộc đội PCCC của Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án chữa cháy, thường xuyên kiểm tra các đơn vị trong việc thực hiện công tác PCCC các lực lượng và phương tiện luôn đảm bảo tốt việc ứng cứu khi có cháy nổ xảy ra. Trong năm đã không để xảy ra trường hợp cháy nổ nào.

- Tổ chức huấn luyện về công tác An toàn-vệ sinh lao động định kỳ cho người lao động theo đúng Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định về công tác huấn luyện AT-VSLĐ.

- Công tác kiểm tra hiện trường đã được thực hiện thường xuyên và chất lượng ngày được nâng cao nhằm hạn chế các sai phạm hoặc thiếu sót của các tập thể, cá nhân trong quá trình sản xuất.

- Công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn, kiểm tra về thực hiện được quan tâm. Ý thức của người lao động về việc sử dụng các trang bị bảo hộ lao động, trang thiết bị an toàn phòng hộ cá nhân và trong việc chấp hành kỷ luật lao động, quy trình kỹ thuật an toàn đã được thực hiện tốt.

h. Công tác An ninh, trật tự và bảo vệ tài sản:

- Thực hiện đầy đủ lập kế hoạch, phương án, biện pháp bảo vệ, phối hợp với các tổ chức đoàn thể phổ biến, tuyên truyền, giáo dục CBCNV thực hiện đúng pháp luật, nội quy, quy định, tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; Thực hiện việc tuần tra canh gác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn tài sản trong Công ty; Thực hiện tốt công tác quản lý, theo dõi các trang thiết bị, công cụ hỗ trợ của Công ty và của lực lượng bảo vệ theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đơn vị trong Công ty để giải quyết, xử lý các vụ việc có liên quan đến an toàn trật tự xã hội thuộc phạm vi của Công ty, đã tiến hành xây dựng các tổ tự quản trong toàn Công ty; Thực hiện việc ký quy chế phối hợp với Công an phường Cẩm Thịnh trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, trật tự an toàn xã hội và chủ động phối hợp với công an phường và công an thành phố Cẩm Phả ngăn ngừa các hành vi vi phạm.

- Thực hiện nghiêm các chỉ thị của cấp trên, thường xuyên rà soát công nhân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ 06 người. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, luôn sẵn sàng đối phó trong các tình huống kích động bạo loạn. Tổ chức đi học lớp kiến thức quốc phòng an ninh cấp chứng chỉ 09 người, tham gia huấn luyện dân quân tự vệ 14 người. Tổ chức khám sơ tuyển gọi công dân nhập ngũ năm 2018 đồng thời rà soát các đối tượng là các quân nhân dự bị và công tác quân sự đã được thực hiện tốt trên các mặt và được đánh giá cao.

i. Công tác thực hiện quy chế dân chủ, phòng chống tham nhũng, lãng phí

- *Thực hiện quy chế dân chủ:*

+ Quy chế dân chủ trong Công ty luôn được đề cao và thực hiện tại tất cả các bộ phận, tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích, nghĩa vụ trách nhiệm của người lao động.

+ Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty đối với người lao động; tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội của Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật, gắn quyền, lợi ích hợp pháp với nghĩa vụ, trách nhiệm của CBCNV, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, của Công ty và của người lao động.

+ Thiết lập mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí:

+ Công ty đã ban hành và phổ biến tới toàn thể CBCNV Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13; Chỉ thị số: 1151/CT-ĐLTKV của Tổng Công ty về "Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017-2020.

+ Công ty tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, quy trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý và đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hạn chế, tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được chúng ta cũng nhận thấy một số hạn chế cần phải tiếp tục hoàn thiện & một số tồn tại cần khắc phục:

- Về quản lý nghiệp vụ, công tác thực hiện các chế độ báo cáo còn một số chưa đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo quy định để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành. Trong một số nội dung công việc các bộ phận khi triển khai còn chưa kịp thời theo kế hoạch đã giao.

- Về công tác quản lý kỹ thuật: tần suất sự cố nhiều dẫn đến việc thường xuyên phải sửa chữa các thiết bị trong nhà máy, nhiều thiết bị chưa được trung đại tu nên hay bị hỏng hóc, sự cố trong quá trình vận hành. Bên cạnh đó môi trường nước biển mặn cũng dẫn đến một số thiết bị bị ăn mòn trong quá trình sử dụng và vận hành.

+ Việc cập nhật dữ liệu về quản lý thiết bị, công tác điều tra đối với một số sự cố còn chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời ảnh hưởng tới việc theo dõi các chu kỳ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cũng như việc tìm ra các hạn chế trong quản lý, điều hành và khắc phục các tồn tại, khiếm khuyết của các máy móc thiết bị trong các dây chuyền sản xuất của Nhà máy;

+ Công tác kiểm tra thường xuyên, công tác duy tu, bảo dưỡng và chăm sóc thiết bị trong các ca sản xuất hoặc trong các chu kỳ tháng, quý của một số đơn vị cá nhân chưa được quan tâm đúng mức và có lúc chưa được thực hiện đầy đủ theo đúng yêu cầu kỹ thuật đề ra.

+ Công tác sửa chữa: Do khối lượng công việc nhiều nên việc lập kế hoạch, tổ chức và điều hành trong công tác sửa chữa một số nội dung còn chưa sát ảnh hưởng đến hiệu quả, tiến độ của công tác sửa chữa dẫn đến các tồn đọng các công việc, các thiết bị chờ sửa chữa.

+ Tiến độ sửa chữa tài sản cố định cấp trung đại tu còn chậm, phải chuyển tiếp sang năm sau một phần do phát sinh khối lượng công việc khi triển khai thực hiện dẫn đến phải điều chỉnh dự toán; quá trình tổ chức lựa chọn kéo dài do không có nhà thầu tham gia, phải tổ chức lựa chọn nhà thầu nhiều lần hoặc phải hủy thầu và xin điều chỉnh dự toán.

- Công tác đầu tư xây dựng công trình đạt mới chỉ đạt 45% kế hoạch đầu năm và 97% với kế hoạch điều chỉnh do hạn chế về thời gian, thủ tục phê duyệt hoặc giá gói thầu thấp phải điều chỉnh giá gói thầu để lựa chọn nhà thầu.

- Công tác vật tư: việc chuẩn bị vật tư thực tế đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất. Tuy nhiên nhiều vật tư mua để phục vụ xử lý sự cố đột xuất hoặc có trường hợp vật tư đã đưa vào sửa chữa sự cố được vay mượn từ các đơn vị khác, thêm vào đó là tình trạng tồn suất sự cố thiết bị nhiều, vật tư dự phòng hạn chế do quy định tỷ lệ tồn kho khá thấp, dẫn đến không đủ đáp ứng yêu cầu khắc phục nhanh để đưa thiết bị trở lại vận hành, tình trạng cần gấp vật tư liên tục xảy ra gây khó khăn khi hoàn thiện hồ sơ. Công tác thu hồi vật tư phế liệu đôi lúc còn chưa được kịp thời. Công ty đã nghiêm túc kiểm điểm các cá nhân vi phạm.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Tập đoàn và Tổng công ty về xã hội hóa chưa tốt dẫn đến việc khiếu nại vượt cấp về công tác xã hội hóa bộ phận cấp dưỡng.

- Về công tác bảo vệ: Công tác bảo đảm an ninh, tài sản trong Công ty chưa tốt nên đã xảy ra một số trường hợp mất mát tài sản của Công ty dẫn đến phải xử lý của cơ quan pháp luật đối với 04 bảo vệ thuộc phòng TC-HC.

- Công tác tài chính: Với số liệu tài chính hiện tại các chỉ số tài chính đều ở mức rất xấu, kết quả SXKD trong năm 2018 tiếp tục không khả quan dẫn đến Công ty không thể tự đứng ra thu xếp vốn, đặc biệt là thu xếp để trả các khoản nợ đến hạn năm 2019 và năm 2020 (mỗi năm trên 1.300 tỷ đồng). Trong năm 2018 Công ty đã được Tổng Công ty đứng ra thu xếp trả nợ đến hạn 502 tỷ đồng. Hiện tại Công ty đã có văn bản gửi ngân hàng Vietcombank, đã liên hệ làm việc với ngân hàng Vietinbank, BIDV là các ngân hàng truyền thống của Công ty (các ngân hàng khác khi xem xét BCTC của Công ty thì đều đã từ chối xem xét), tuy nhiên các ngân hàng đều có ý kiến đang trong quá trình lập Hồ sơ báo cáo Hội sở chính. Công ty cũng đã có báo cáo cụ thể trong Phương án tháo gỡ khó khăn số 3059/CPC-KTAT ngày 23/10/2018.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SXKD, ĐT VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

I. Đặc điểm tình hình

Bước vào năm 2019, dự báo khả năng nhu cầu thị trường điện thuận lợi do ảnh hưởng hiện tượng thời tiết Elnino vào đầu năm 2019, tuy nhiên Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn do các hệ thống thiết bị đã lần lượt đến thời kỳ phải sửa chữa trung đại tu, nâng cấp và Công ty thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn đòi hỏi Công ty phải đề ra các cách thức tổ chức lãnh đạo tốt việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch được giao.

1. Về thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Điện lực-TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam trong công tác tháo gỡ khó khăn cho Cẩm Phả.

- Luôn có sự đoàn kết, thống nhất cao trong lãnh đạo, các đơn vị trong các công tác quản lý và điều hành đáp ứng với các yêu cầu về các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đội ngũ công nhân viên đã trưởng thành và từng bước làm chủ công nghệ.

- Một số hệ thống thiết bị Công ty đã triển khai khắc phục khiếm khuyết năm 2017, 2018 đã hoạt động ổn định và góp phần nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Về khó khăn

- Giá than năm từ ngày 05/01/2019 tăng 5,5% theo Quyết định số 19/QĐ-TKV ngày 04/01/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, trong khi giá điện hợp đồng tăng 2,66% gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Một số thiết bị của Nhà máy đã có thời gian vận hành khá dài và đã đến thời kỳ TĐT cần bổ sung chi phí cho việc duy tu bảo dưỡng để nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết bị.

- Công tác tháo gỡ khó khăn cho Cẩm Phả cần thực hiện giải pháp đồng bộ, tuy nhiên do CPC hiện đang là Công ty cổ phần thực hiện các hoạt động theo quy chế quy định của Công ty, với nguyên tắc tuân thủ các quy chế quy định của TKV và Tổng Công ty. Tuy nhiên để thực hiện được phương án nhằm tháo gỡ khó khăn cho CPC, việc tuân thủ trình tự quy định sẽ mất khá nhiều thời gian, trong khi thiết bị nếu không kịp thời sửa chữa, thay thế có thể gây ra tình trạng hỏng hóc ngày càng nghiêm trọng. Công ty rất khó khăn để huy động vốn để triển khai các công việc.

- Tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn do thiếu hụt dòng tiền nên không có vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 đã được Tổng công ty thông báo tại các văn bản số 218/ĐLTKV-ĐT ngày 28/01/2019 và số 422/ĐLTKV-KH ngày 05/3/2019.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD

- Sản lượng điện sản xuất: 3.500 triệu kWh.
- Doanh thu: 4.497 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 2,369 tỷ đồng.
- Lao động bình quân: 482 người.
- Tiền lương: 10,2 triệu đồng/người/tháng.
(Chi tiết như biểu kèm theo)

2. Các chỉ tiêu chủ yếu về ĐTXD

- Giá trị kế hoạch ĐTXD 2019 là 33,55 tỷ đồng với cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp:
 - (i) Xây lắp 0 đồng;
 - (ii) Thiết bị 28,97 tỷ đồng;
 - (iii) Chi phí tư vấn và khác 4,58 tỷ đồng.

III. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Nhiệm vụ, giải pháp tổng quát:

Tập trung cao độ và mọi nguồn lực để thực hiện triệt để các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Cẩm Phả trong năm 2019.

Không ngừng phát huy tinh thần chủ động dám nghĩ, dám làm, cùng với tinh thần kỷ luật và đồng tâm phấn đấu cao nhất thúc đẩy sản xuất phát triển; cải thiện môi trường làm việc; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ mới; nâng cao năng suất, chất lượng; vận hành hiệu quả nhà máy; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; nâng cao thu nhập cho người lao động.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu chủ yếu nêu trên, Công ty phải tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt các nhóm giải pháp sau đây:

- Tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu nhiệm vụ năm 2019, phổ biến các quy định tới cán bộ công nhân viên các chế độ chính sách liên quan đến chế độ tiền lương và phân phối thu nhập để mọi người cùng hiểu về mục tiêu, cơ chế trong việc phân phối tiền lương để người lao động hiểu rõ và thực hiện.

- Tạo sự đoàn kết, thống nhất cao trong lãnh đạo, các phòng ban, đơn vị trong các công tác quản lý và điều hành đáp ứng với các yêu cầu về các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để hoàn thành nhiệm vụ chung của đơn vị và của Công ty trong các lĩnh vực như quản lý vận hành, phân tích thị trường và chào giá điện và tổ chức triển khai công tác sửa chữa thiết bị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các việc tuân thủ các thông số trong quá trình vận hành; Tiếp tục xem xét chỉnh sửa, biên soạn và ban hành đầy đủ các quy trình kỹ thuật an toàn về vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị cùng các nội quy, quy định nhằm đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả các thiết bị và nhà máy.

- Tập trung giải quyết triệt để các vấn đề kỹ thuật còn tồn tại của các hệ thống nhằm đưa thiết bị vào hoạt động ổn định và hiệu quả. Bám sát phương án tháo gỡ khó khăn cho CPC theo văn bản số 177/BC-ĐLTKV ngày 22/1/2019 của Điện lực TKV và văn bản số 3059/CPC-KTAT ngày 23/10/2018 của CPC để tổ chức thực hiện giải quyết triệt để các vấn đề kỹ thuật tồn tại của nhà máy với mục tiêu năm 2019 đạt lợi nhuận kế hoạch và hoàn thiện công tác khắc phục các tồn tại của CPC vào năm 2020.

- Thực hiện tốt việc trung đại tu và duy tu máy móc thiết bị đúng định kỳ nhằm giảm thiểu các hư hỏng đột xuất làm ảnh hưởng đến công suất phát điện của các tổ máy và tăng tuổi thọ cùng như thời gian vận hành các thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

- Ra soát và phân tích kỹ các tồn tại trong lĩnh vực của đơn vị trong thời gian vừa qua để từ đó xây dựng các nội dung công việc cần giải quyết, khắc phục tồn tại và tìm cách tháo gỡ các vướng mắc để thực hiện trong từng lĩnh vực quản lý, vận hành và sửa chữa máy móc thiết bị.

- Tổ chức và thực hiện nghiêm túc công tác huấn luyện, kiểm tra sát hạch định kỳ cho các đối tượng theo đúng quy định, chú trọng chất lượng và hiệu quả. Triển khai tốt các biện pháp, giải pháp khắc phục triệt để những nguy cơ gây mất an toàn và khắc phục triệt để các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra; Kiểm soát chặt chẽ về môi trường, không để xảy ra vi phạm tới mức bị xử phạt. Kiểm soát tốt công tác phòng chống cháy nổ, không để xảy ra sự cố cháy lớn. Thực hiện tốt việc phòng chống thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai. Không để xảy ra tai nạn lao động, giảm các vi phạm về ATVSLĐ, môi trường so với năm 2018.

- Hoàn thiện các quy định về quản lý vật tư, tiền lương, về đầu tư xây dựng công trình... trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, của các cấp quản lý nhưng phải tháo gỡ được các tồn tại, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Lập kế hoạch dự trữ vật tư, thiết bị hợp lý nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục và quá trình sửa chữa các thiết bị trong dây chuyền.

- Kiểm soát tốt các chi phí sản xuất trong đó ưu tiên đầu tư chi phí cho việc sửa chữa các thiết bị trong dây chuyền chính, các nội dung công việc để duy trì và phát triển sản xuất... Hạn chế việc sử dụng các chi phí chưa thiết yếu và sử dụng lãng phí các nguồn lực của Nhà máy và Công ty; Kiểm soát chặt chẽ và có các biện pháp cụ thể


về các định mức việc tiêu hao về than, dầu, điện tự dùng, xăng dầu mỡ phụ và các loại hoá chất...nhằm tiết kiệm và giảm các chi phí sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập.

- Tiến hành tổ chức việc đấu thầu và lựa chọn các nhà thầu cung ứng các loại vật tư ổn định, có giá trị lớn để Công ty chủ động trong việc cung cấp các nguồn hàng với giá cả và chi phí hợp lý.

- Tăng cường và có các biện pháp công tác bảo vệ tài sản, vật tư, kho tàng và không để mất mát về khối lượng, phẩm cấp đặc biệt như các loại vật tư có giá trị lớn như than các loại.

- Hoàn thiện việc xã hội hoá bộ phận Nhà ăn và Bảo vệ; xây dựng và thực hiện phương án xã hội hóa bộ phận vệ sinh công nghiệp theo nghị quyết của Tổng công ty về tái cơ cấu lao động.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019. Giám đốc xin báo cáo và cam kết tổ chức lãnh đạo hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm 2019.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- ĐH Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.



GIÁM ĐỐC

Thân Thế Đăng

BÁO CÁO TỔNG HỢP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2018

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
I	Sản xuất điện				
1	Điện phát	MWh	3 600 000	2 715 406	75%
2	Điện thương phẩm	MWh	3 234 960	2 406 698	74%
3	Điện tự dùng	MWh	365 040	308 709	85%
II	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4 711 976	3 600 233	76%
1	Doanh thu điện thương phẩm	"	4 234 182	3 202 834	
2	Doanh thu điện tự dùng	"	477 794	394 136	
3	Doanh thu khác	"		3 262	
III	Lợi nhuận		50 000	- 414 028	
IV	Lao động và thu nhập				
1	Lao động định mức, trong đó	người	620	596	96%
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	8,3	7,26	88%
V	Đầu tư XDCB	tr.đồng	15.988	15 472	97%
1	Xây dựng	-	300	-	
2	Thiết bị	-	15 108	14 969	99%
3	CP tư vấn và khác	-	580	502	87%
VI	Các định mức KTKT				
1	Suất tiêu hao than	Kg/kwh	0,632	0,65	103%
2	Điện động lực	%	11,59	12,16	105%
3	Nước công nghiệp	M3/Mwh	0,29	0,322	111%

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
I	Sản lượng				
1	Điện sản xuất	MWh	3 600 000	2 715 406	75.4%
	Điện tự dùng	"	365 040	308 709	84.6%
	Điện mua EVN	"	52 200	21 463	41.1%
	Tỷ lệ điện tự dùng	%	10,14%	11,37%	112,1%
	Tỷ lệ điện mua EVN	%	1,45%	0,79%	54,5%
2	Điện bán cho EVN	MWh	3 234 960	2 406 697	74,4%
3	Số giờ vận hành đầy tải	giờ	5 455	4 114	75,4%
II	Suất tiêu hao nguyên, nhiên liệu				
1	Than	Tấn	2 275 200	1 765 546	77,6%
	Suất tiêu hao than	kg/kWh	0,632	0,650	102,9%
2	Đá vôi	Tấn	72 000	21 144	29,4%
	Suất tiêu hao đá vôi	kg/kWh	0,020	0,008	38,9%
3	Dầu DO	tấn	1 525	2 575	168,9%
	Lần khởi động	lần	26		
	Khởi động lạnh	"		34	
	Khởi động nóng	"		7	
	Định mức				
	Khởi động lạnh	Tấn/lần		63,104	
	Khởi động nóng	"		52,463	
	Dầu đốt kèm	Tấn		377	
III	Tro xỉ				
	Tổng lượng tro		1 265 184	1 032 776	
	Cung độ vận chuyển	Km	1,50	1,50	
IV	Định mức hóa chất	Tấn			
A	Lượng tiêu hao	tấn			
	HCL 30%	kg	266 400	263 386	99%
	NaOH 30%	kg	302 400	314 547	104%
	Amoniac 17%	kg	7 200	2 478	34%
	Na3PO4 95%	kg	3 600	2 115	59%
	Hydrazine N2H4 51%	kg	1 800	1 620	90%
	Clo	kg	477 000	200 788	42%
B	Suất tiêu hao	tấn			
	HCL 30%	g/kWh	0,0740	0,0970	131%
	NaOH 30%	g/kWh	0,0840	0,1158	138%
	Amoniac 17%	g/kWh	0,0020	0,0009	46%
	Na3PO4 95%	g/kWh	0,0010	0,0008	78%
	Hydrazine N2H4 51%	g/kWh	0,0005	0,0006	119%
	Clo	g/kWh	0,1325	0,0739	56%
V	Nước CN				
	Định mức	m ³ /MW	0,290	0,322	111%

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
I	Chỉ tiêu sản lượng		
	Điện sản xuất	MWh	3.500.000
	Điện thương phẩm	-	3.145.100
	Giá bán điện	đồng/kWh	1.284,89
II	Chỉ tiêu giá trị		
1	Doanh thu	tr.đồng	4.497.102
	Doanh thu điện thương phẩm	-	4.041.096
	Doanh thu nội bộ	-	456.006
2	Chi phí	-	4.494.733
2.1	Chi phí trung gian	-	3.839.663
	(Bao gồm chi phí Nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, thuê ngoài và khác)		
	<i>Trong đó lãi vay</i>		325.360
2.2	Giá trị gia tăng	-	598.699
	Khấu hao TSCĐ	-	530.295
	Tiền lương	-	60.077
	- Tiền lương sản xuất		58.227
	- Tiền lương viên chức quản lý		1.850
	BHXH, YT, CD	-	8.328
2.3	Chi phí trung đại tu		56.371
3	Lợi nhuận	-	2.369
4	Lao động và thu nhập		
	Lao động	người	482
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	10.215
III	Đầu tư xây dựng		33.550
1	Thiết bị	tr.đồng	0
2	Xây dựng	tr.đồng	28.970
3	CP tư vấn và khác	tr.đồng	4.580
VI	Các định mức kinh tế kỹ thuật		
1	Suất tiêu hao than	kg/kWh	0,632
2	Điện tự dùng	%	10,14
3	Nước công nghiệp	m ³ /MWh	0,29

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Hoạt động của HĐQT năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018

Trong năm 2018, HĐQT Công ty với vai trò trách nhiệm là đại diện cho các cổ đông, đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo duy trì và phát triển SXKD, đầu tư với mục tiêu hướng tới việc hoàn thành kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018 của Công ty và quản lý, sử dụng vốn, tài sản có hiệu quả đã được ĐHCĐ năm 2018 thông qua.

Với sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn TKV và Tổng công ty Điện lực-TKV, cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành, các Phòng, Phân xưởng và tập thể cán bộ, người lao động trong Công ty, các bạn hàng, đối tác và sự giám sát của Ban kiểm soát, Công ty đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
I	Sản xuất				
1.1	Sản xuất điện	MWh			
	Điện phát	MWh	3 600 000	2 715 406	75,43%
	Điện thương phẩm	MWh	3 234 960	2 406 698	74,40%
II	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	4 711 976	3 600 233	76,41%
III	Tổng chi phí	"	4 661 976	4 014 261	86,11%
	- Chi phí sản xuất điện	"	4 661 976	4 010 243	86,02%
	- Chi phí khác			4 018	
IV	Lợi nhuận (Bao gồm CLTG)	"	50 000	- 414 028	
V	Giá thành, giá bán				
	- Giá bán điện bình quân	đ/kwh	1.308,88	1.276,73	98%
	- Giá thành	"	1.295	1.476,8	114%
VI	Lao động, thu nhập				
	Lao động định mức	Người	620	596	96%
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	8.300	7.263	88%

Với kết quả nêu trên công ty không hoàn thành kế hoạch SXKD đã được ĐH đồng cổ đông giao.

2. Về đầu tư:

Kết quả Đầu tư xây dựng năm 2018:

Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền đến cuối năm 2018 là : 15,472 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch. Trong đó:

+ Thiết bị: 14.969 triệu đồng;

+ Tư vấn khác: 502 triệu đồng

- Công ty đang tích cực hoàn thiện các thủ tục để hoàn thành quyết toán 2 dự án nhóm A (NMNĐ CP1 và NMNĐ CP2).

3. Về các mặt quản lý:

HĐQT thống nhất với đánh giá của Giám đốc về các mặt quản lý, các mặt còn tồn tại và bài học kinh nghiệm tại báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 tại Hội nghị người lao động năm 2019.

Năm 2018, tuy chưa đạt được kế hoạch đề ra, do nhiều nguyên nhân, nhưng năm 2018 cán bộ, người lao động Công ty đã có nhiều nỗ lực, khắc phục nhanh sự cố máy phát S1 từ ngày 09/04/2018 đến ngày 28/6/2018; 04 lần sự cố tuabin S2 .., sớm đưa NM vào hoạt động đã đạt được các chỉ tiêu nêu trên. Do lỗ lũy kế từ các năm trước chuyển sang là 661 tỷ đồng, cùng với các yếu tố khách quan phát sinh như chênh lệch tỷ giá, chi phí khắc phục các sự cố năm 2018 tăng cao nên nhiều chỉ tiêu không đạt kế hoạch được giao. Công ty vẫn nằm trong diện phải giám sát tài chính đặc biệt. Tuy nhiên Công ty đã bảo đảm được việc làm ổn định, thu nhập khá cho hơn 570 lao động. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và địa phương.

Nhìn chung, trong năm vừa qua mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn nhưng ban Giám đốc đã thực hiện khá tốt các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, đồng thời chủ động, linh hoạt trước những diễn biến thực tế của nhà máy và thị trường điện. Sự phối hợp tốt giữa HĐQT, BKS và Ban Giám đốc đã góp phần mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty đã được Giám đốc phân công giao nhiệm vụ, đồng thời đã chấp hành tốt và chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo điều hành các Phòng, Phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đã tham mưu đề xuất cho Giám đốc, HĐQT nhiều vấn đề trong quản lý các mặt hoạt động của Công ty. Trong năm qua các cán bộ quản lý về cơ bản đều được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018.

Nhận thức rõ tình hình khó khăn của Công ty, năm qua Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp, có trọng tâm, trọng điểm, chương trình cụ thể để đảm bảo duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; tập trung nhiệm vụ quản lý vốn, tài sản, các giải pháp để thoát khỏi tình trạng khó khăn về tài chính.

Hội đồng quản trị đã đi sâu, đi sát, nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các đề xuất của Ban điều hành, có nhiều chỉ thị, chỉ đạo sát sao để thúc đẩy, chấn chỉnh các mặt quản lý, tìm mọi biện pháp khắc phục sự cố và những khó khăn xảy ra, đưa nhà máy trở lại hoạt động trong thời gian sớm nhất có thể.

Trong hoạt động, Hội đồng quản trị đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, triển khai quyết liệt thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2018 Hội đồng quản trị đã họp 55 phiên (bao gồm họp thảo luận trực tiếp, xin ý kiến bằng văn bản, họp trực tuyến) ban hành 122 Nghị quyết, Quyết định, thông báo chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

1. Về công tác nhân sự:

Ngày 26/4/2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đã bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới. Tại Đại hội này Công ty đã bầu Hội đồng quản trị, BKS Công ty nhiệm kỳ (2018-2023). Các Thành viên HĐQT đã bầu ông Nguyễn Văn Hải - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực -TKV giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, các thành viên Ban kiểm soát đã bầu bà Nguyễn Thị Dung làm Trưởng ban kiểm soát Công ty.

Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 hiện tại như sau:

a) Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	Tổng công ty Điện lực TKV	
2	Ông Ngô Minh Thắng	Ủy viên HĐQT	Tổng công ty Điện lực TKV	
3	Ông Thân Thế Đăng	Ủy viên HĐQT	Công ty CP NĐ Cẩm Phả-TKV	
4	Ông Trần Văn Hoan	Ủy viên HĐQT	Công ty CP NĐ Cẩm Phả-TKV	
5	Bà Lưu Thị Minh Thanh	Ủy viên HĐQT	Công ty CP NĐ Cẩm Phả-TKV	

b) Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban KS chuyên trách	Công ty CP NĐ Cẩm Phả-TKV	
2	Bà Đặng Thị Bảo Thái	Thành viên BKS	Công ty CP NĐ Cẩm Phả-TKV	
3	Bà Lưu Thị Thu Hà	Thành viên BKS	Tổng công ty Điện lực TKV	

Trong đó, bà Nguyễn Thị Dung đã nghỉ chế độ từ ngày 01/3/2019, theo đó Ban KS đã bầu bà Lưu Thị Thu Hà làm Trưởng ban KS.

Thực hiện văn bản số 1644/ĐLTKV-TCLĐTL ngày 14/9/2017 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc sắp xếp tổ chức cán bộ, Công ty đã thực hiện việc sắp xếp tổ chức tại các Phòng, Phân xưởng. Đến nay Công ty đã giảm từ 6 phân xưởng xuống còn 02 phân xưởng, giảm từ 8 phòng xuống còn 4 phòng. Thực hiện tốt việc tinh giảm lao động theo chủ chương của Tổng công ty, đầu năm 2018 số lao động của Công ty là 614 người, cuối năm số lao động còn lại 576 người, giảm được 38 người. Sắp xếp, luân chuyển vị trí công việc cho 19 Cán bộ, người lao động tại các Phòng, Phân xưởng bước đầu hướng tới tinh gọn, hiệu quả cho công việc.

2. Về ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế, Quy định:

Năm 2018 đã ban hành 05 quy chế, sửa đổi bổ sung 02 quy chế bao gồm các lĩnh vực về: Kỹ thuật, Đầu tư, Tài chính, Phát ngôn, Tài sản cố định, Vật tư... Hoạt động và phân công nhiệm vụ trong HĐQT...

Ban hành 125 các Nghị quyết, quyết định phê duyệt dự toán, phê duyệt quyết toán, quyết định về nhân sự ...

Ban hành 06 kết luận về các chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT

Ngoài ra Chủ tịch HĐQT còn chỉ đạo nhiều nội dung qua thư điện tử (203 thư), điện thoại và các hình thức chỉ đạo khác để đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra các mặt quản lý của Công ty như việc thu hồi công nợ, việc quản lý chất lượng, số lượng tiêu hao than, tình hình hoạt động của nhà máy, vấn đề tài chính, an toàn, môi trường.....

3. Về thực hiện Quy chế hoạt động của HĐQT:

Căn cứ quy chế hoạt động tại QĐ số 101/QĐ-NĐCP ngày 29/5/2017 HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT tại quyết định số 100/QĐ-NĐCP ngày 29/5/2018 và được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 115/QĐ-CPC ngày 26/4/2018 Theo đó từng thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đều tích cực hoạt động, tìm hiểu sâu về các lĩnh vực được giao. Các thành viên HĐQT đã phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương, các quyết định của HĐQT được ban hành đều tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy chế của Công ty. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, nguyên tắc tập trung dân chủ, tinh thần đoàn kết được đề cao. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, thể hiện rõ quan điểm, chính kiến trong các cuộc họp HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao. Trong tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát. HĐQT đã tiếp thu và kịp thời điều chỉnh khi có ý kiến tham gia của BKS.

Kết thúc năm 2018 HĐQT đã cùng Ban kiểm soát thực hiện kiểm điểm, đánh giá từng thành viên HĐQT. Theo đó tất cả thành viên HĐQT đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019.

Năm 2019 được dự báo là năm tiếp tục còn nhiều khó khăn, như đã nêu trong báo cáo do Giám đốc đã trình bày.

Trước tình hình nêu trên, căn cứ vào mục tiêu và kế hoạch SXKD, Đầu tư 2019, nhằm đảm bảo lợi nhuận, thu nhập cho người lao động và quyền lợi cho cổ đông, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm, đề ra một số chỉ tiêu và giải pháp sau đây:

1. Về SXKD.

- Sản lượng điện sản xuất: 3.500 triệu kWh.
- Doanh thu: 4.497 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 2,369 tỷ đồng.
- Lao động bình quân: 482 người.
- Tiền lương: 10,2 triệu đồng/người/tháng.

2. Về đầu tư:

- Giá trị kế hoạch ĐTXD 2019 là 33,55 tỷ đồng. Trong đó:

- (i) Xây lắp 0 đồng;
- (ii) Thiết bị 28,97 tỷ đồng;
- (iii) Chi phí tư vấn và khác 4,58 tỷ đồng.

3. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi có hiệu quả trong Công ty;

- Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước. Sửa đổi, bổ sung, ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức lao động sát với thực tế làm cơ sở cho việc quản lý chi phí;

- Tiếp tục tăng cường, đổi mới công tác quản lý, điều hành. Tìm giải pháp để nâng cao năng lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp, sự phối hợp chặt chẽ của bộ máy quản lý, điều hành. Thực hiện việc tái cơ cấu công ty theo chỉ đạo của cấp trên và phương án mà công ty đã xây dựng, trong đó đặc biệt là tái cơ cấu về Vốn, Lao động.

- Tăng cường quản lý công tác Kỹ thuật (sửa chữa, vận hành, thị trường điện), coi đây là nhiệm vụ then chốt hàng đầu. Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các chỉ tiêu, định mức kỹ thuật, công nghệ. Trong đó đặc biệt là suất tiêu hao than, điện tự dùng. Sớm đưa nhà máy vận hành theo chế độ tự động ở mức cao nhất theo đúng thiết kế và hướng tới tự động hóa ở mức tiên tiến hơn. Nâng cao chất lượng sửa chữa, tìm giải pháp nâng cao hiệu suất lò hơi, công suất phát của các tổ máy. Thực hiện “Đại phẫu” nhà máy theo đúng chỉ đạo của TKV và các phương án mà Công ty, Tổng công ty đã báo cáo TKV.

- Nghiên cứu, rà soát kỹ khi phê duyệt các dự toán. Kiểm soát sâu hơn các hợp đồng thuê ngoài. Tăng cường khả năng tự sửa chữa, phục hồi thiết bị, hạn chế thuê ngoài;

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế mua sắm, quản lý vật tư, kiểm soát chi tiêu tồn kho vật tư, nhất là tồn kho than một cách hợp lý, có lợi cho Công ty.

- Thực hiện quản lý đầu tư chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch, dự án. Tuân thủ đúng các quy định, quy chế trong đầu tư. Kiểm soát tốt hơn việc lựa chọn nhà thầu, tích cực thực hiện đấu thầu qua mạng. Khắc phục các hạn chế, tồn tại trong việc lựa chọn nhà thầu để mang lại lợi ích cao hơn cho Công ty.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn để sử dụng có hiệu quả. Quản lý chặt chẽ công nợ, đặc biệt là nợ phải thu. Tích cực bám các cơ quan, đơn vị để được thanh toán đủ, kịp thời tiền bán điện, hạn chế tối đa để nợ quá hạn khoản tiền này.

- Kiểm soát tốt hơn về AT-VSLĐ, PCCC và môi trường. Không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, không để bị xử phạt do vi phạm về môi trường.

- Quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên, nhất là đội ngũ kỹ thuật của nhà máy.

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho người lao động; xây dựng, củng cố nề nếp, nề nếp làm việc chuyên nghiệp, tinh thần đoàn kết, gắn bó. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp có nét riêng, văn minh, văn hóa của Công ty.

4. Về hoạt động của HĐQT:

Kiến toàn nhân sự HĐQT, BKS, khắc phục các hạn chế tồn tại trước đây. HĐQT hoạt động tuân thủ đúng Điều lệ, các Quy chế, Quy định của Công ty, trong đó có Quy chế hoạt động của HĐQT. Sâu sát hơn với mọi hoạt động của Công ty để kịp thời có những chỉ đạo, định hướng đúng. Giải quyết kịp thời các đề xuất của bộ máy điều hành. Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và BKS để quản trị Công ty được tốt hơn.

Đề nghị Đại hội Cổ đông cho ý kiến chỉ đạo để HĐQT hoạt động có hiệu quả và tốt hơn.

Trân trọng báo cáo!



Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT, BKS; BGĐ;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Về thù lao của HĐQT và BKS năm 2018 và đề xuất thù lao năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

1. Về thù lao của HĐQT và BKS năm 2018:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV số: 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2018, mức thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018.

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-ĐLTKV ngày 14/06/2017 của Tổng Công ty Điện lực TKV về việc Ban hành mức tiền lương, hệ số giãn cách giao khoán cho một số chức danh ngành nghề trong Tổng công ty.

- Chủ tịch HĐQT : $24.700.000 \text{ đ} \times 20\% \times 12 \text{ tháng} \times 1 \text{ ng} = 59.280.000 \text{ đ};$
- Thành viên HĐQT : $21.900.000 \text{ đ} \times 20\% \times 12 \text{ tháng} \times 4 \text{ ng} = 210.240.000 \text{ đ};$
- Trưởng BKS chuyên trách: $21.900.000 \text{ đ} \times 12 \text{ tháng} \times 1 \text{ ng} = 262.800.000 \text{ đ};$
- Thành viên BKS: $20.000.000 \text{ đ} \times 20\% \times 12 \text{ tháng} \times 2 \text{ ng} = 96.000.000 \text{ đ}.$

Năm 2018 Công ty đã thực hiện chi trả :

- Tổng nguồn tiền lương trả cho Người quản lý (Ban lãnh đạo điều hành) và thù lao trả cho thành viên HĐQT của Công ty là 1.866.804.000 đồng. Cụ thể: (ĐVT: Đồng)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT	Tiền lương	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	59.280.000		59.280.000
2	Thân Thế Đăng	Ủy viên HĐQT - GĐ	52.560.000	298.014.000	350.574.000
3	Ngô Minh Thắng	Ủy viên HĐQT	52.560.000		52.560.000
4	Trần Văn Hoan	Ủy viên HĐQT - PGĐ	52.560.000	264.414.000	316.974.000
5	Lưu Mạnh Thắng	Ủy viên HĐQT (1/1-26/4) KTT (1/1-8/4)	17.520.000	65.687.368	83.207.368
6	Lưu Thị Minh Thanh	Ủy viên HĐQT (27/4-31/12) KTT (9/4-31/12)	35.040.000	175.926.632	210.966.632
9	Vũ Đức Quảng	Phó GĐ		264.414.000	264.414.000
10	Nguyễn Đình Tuấn	Phó GĐ		264.414.000	264.414.000
11	Vương Đình Đề	Phó GĐ		264.414.000	264.414.000
	Tổng cộng		269.520.000	1.597.284.000	1.866.804.000

Tổng nguồn tiền lương và thù lao trả cho Ban kiểm soát năm 2018 là: 360.414.000 đồng. Cụ thể:

Số tt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao BKS	Tiền lương	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Thị Dung	Trưởng BKS chuyên trách		264.414.000	264.414.000
2	Lưu Thị Minh Thanh	Ủy viên (1/1-26/4/2018)	16.000.000		16.000.000
3	Lưu Thị Thu Hà	Ủy viên (27/4-31/12/2018)	32.000.000		32.000.000
4	Đặng Thị Bảo Thái	Ủy viên	48.000.000		48.000.000
	Tổng cộng		96.000.000	264.414.000	360.414.000

* Tổng số tiền thù lao và lương trả cho HĐQT, Người quản lý BKS là: 2.227.218.000 đồng. Trong đó:

- Tổng nguồn tiền lương trả cho Người quản lý (bao gồm tiền lương Trưởng BKS chuyên trách) của công ty là 1.861.698.000 đồng;

- Tổng nguồn thù lao trả cho thành viên HĐQT và BKS là 365.520.000 đồng.

Việc chi trả thực hiện theo đúng quy định của CPC và ĐLTKV.

2. Đề xuất mức chi trả thù lao năm 2019:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 163 Luật doanh nghiệp số 68/2014-QH13; Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về việc “Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH ITV do Nhà nước làm chủ sở hữu”

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-ĐLTKV ngày 14/6/2017 của Tổng Công ty Điện lực TKV về việc Ban hành mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong Tổng công ty Điện lực-TKV. Mức thù lao được áp dụng mức tối đa là 20% mức lương thực hiện của Viên chức quản lý chuyên trách tương ứng;

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về phương án trả, thù lao cho các thành viên HĐQT và tiền lương, thù lao cho các thành viên BKS Công ty như sau:

Chức danh	Cách tính	Thù lao (đ)	Lương (đ)
Chủ tịch HĐQT	24.700.000đ x 20% x 12 tháng x 1ng	59.280.000	
Thành viên HĐQT	21.900.000đ x 20% x 12 tháng x 4ng	210.240.000	
Trưởng BKS chuyên trách	21.900.000đ x 2 tháng x 1ng		43.800.000
Trưởng BKS kiêm nhiệm	21.900.000đ x 20% x 10 tháng x 1ng	43.800.000	
Thành viên BKS	20.000.000đ x 20% x 12 tháng x 2ng	96.000.000	

Tổng số tiền chi trả lương, thù lao năm 2019 là: 453.120.000 đ (Bốn trăm năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Hàng tháng được tạm chi trả 80% mức thù lao theo kế hoạch. Còn lại 20% được quyết toán chi trả theo quyết toán tiền lương của viên chức quản lý năm theo mức độ hoàn thành kế hoạch.

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh của Công ty, không hạch toán vào quỹ tiền lương.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua để làm cơ sở thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018 và năm 2019 (Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV báo cáo việc phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018 và năm 2019 cụ thể như sau:

1. Đối với năm 2018.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:


Tổng doanh thu	3.206.096.505.970
- Doanh thu sản xuất Điện + khác:	3.205.297.071.654
- Doanh thu hoạt động tài chính:	615.272.629
- Thu nhập khác:	184.161.687
Tổng Chi phí	3.602.125.226.225
- Chi phí sản xuất Điện + khác:	3.134.404.139.906
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.030.741.690
- Chi phí tài chính:	448.672.507.435
- Chi phí khác:	4.017.837.594
Lãi (+), lỗ (-)	-414.028.720.655

Do Công ty đang có số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là (1.075.394) tr.đ. Căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước và nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018.

2. Đối với năm 2019.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xây dựng đã được Tổng công ty Điện lực - TKV thông báo thì kết quả SXKD sẽ lãi: 2 tỷ đồng.

Như vậy hết năm 2019 Công ty vẫn còn lỗ lũy kế là (1.073.025) tr.đ nên chưa thể chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định ! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (CPC) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2018 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8).

Căn cứ báo cáo kiểm toán số 37/2019/BCKT - PKF.VPC ngày 20/3/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam về báo cáo tài chính từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 của Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả -TKV;

Căn cứ vào biên bản kiểm tra quyết toán 2018 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm phả -TKV ngày 21/3/2019;

Giám đốc xin báo cáo HĐQT và Đại hội cổ đông Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

I. Thực hiện kế hoạch huy động vốn của các cổ đông năm 2018.

Số TT	Đơn vị	KH Năm 2018	Vốn góp năm 2018 Tăng (+); giảm (-)	Lũy kế đến 31/12/2018
1	Tổng công ty Điện lực - TKV			1.757.179.069.334
2	Tổng Cy XDCN Việt Nam			9.153.153.548
3	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài			21.799.000.000
4	Công ty CP Than Cao Sơn			21.799.000.000
5	Công ty CP Than Đèo Nai			21.799.000.000
6	Công ty CP Than Mông Dương			21.799.000.000
7	Công ty CP Than Cọc 6			43.598.000.000
8	Cổ đông thể nhân			72.680.000.000
	Tổng cộng			1.969.806.222.882

II. Báo cáo quyết toán tại thời điểm 31/12/2018


NỘI DUNG	MÃ SỐ	T M	Năm 2018	Năm 2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		947.605.861.984	722.199.573.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		60.721.687.330	9.103.395.124
1. Tiền	111		11.721.687.330	9.103.395.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		788.504.973.205	612.688.415.901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		786.642.712.409	608.736.311.286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		227.872.200	2.737.072.026
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.757.800.059	1.454.128.789
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(547.094.280)	(473.782.200)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		423.682.817	234.686.000
IV. Hàng tồn kho	140		78.012.235.751	46.547.149.773
1. Hàng tồn kho	141		78.012.235.751	46.547.149.773
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149			0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.026.870.066	53.860.612.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.310.654.364	1.716.783.331
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.481.286.691	35.945.575.239
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		234.929.011	16.198.254.322
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.178.822.662.548	6.707.928.224.190
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		5.464.296.842.398	5.979.269.609.413
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.463.859.900.234	5.978.801.276.077

NỘI DUNG	MÃ SỐ	T M	Năm 2018	Năm 2017
- Nguyên giá	222		10.149.070.057.563	10.134.974.108.375
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.685.210.157.329)	(4.156.172.832.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		436.942.164	468.333.336
- Nguyên giá	228		736.107.762	598.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(299.165.598)	(129.666.664)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.904.225.454	1.996.444.990
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.904.225.454	1.996.444.990
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		706.961.690.328	726.662.169.787
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		668.344.893.867	685.031.909.262
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		38.616.796.461	41.630.260.525
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.126.428.524.532	7.430.127.797.880
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.232.016.653.235	6.121.687.205.928
I. Nợ ngắn hạn	310		3.870.286.191.901	2.766.164.154.144
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.536.178.347.194	861.108.052.755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		38.705.020	38.705.020
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313			
4. Phải trả người lao động	314		9.035.808.946	18.498.365.714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		412.522.966.024	276.353.870.062
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.460.049.388	3.000.133.810

NỘI DUNG	MÃ SỐ	T M	Năm 2018	Năm 2017
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1.908.408.084.616	1.606.332.418.046
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		642.230.713	832.608.737
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2.361.730.461.334	3.355.523.051.784
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2.361.730.461.334	3.355.523.051.784
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển KH&CN	343			
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		894.411.871.297	1.308.440.591.952
I. Vốn chủ sở hữu	410		894.411.871.297	1.308.440.591.952
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.075.394.351.585)	(661.365.630.930)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		(661.365.630.930)	(661.365.630.930)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		(414.028.720.655)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		7.126.428.524.532	7.430.127.797.880

III. Kết quả sản xuất kinh doanh

• Tổng doanh thu:	3.206.096.505.970đ
- Doanh thu sản xuất điện:	3.202.834.101.942đ
- Doanh thu hoạt động khác	2.462.969.712đ
- Doanh thu hoạt động tài chính:	615.272.629đ
- Thu nhập khác:	184.161.687đ
• Tổng chi phí:	3.620.125.226.625 đ
- Chi phí sản xuất điện	3.167.434.881.596 đ
- Chi phí tài chính	448.672.507.435đ
+ <i>Chi phí lãi vay:</i>	<i>366.580.394.493đ</i>
+ <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>46.946.761.695đ</i>
+ <i>Chi phí tài chính khác</i>	<i>35.145.351.247đ</i>
- Chi phí khác	4.017.837.594đ
• Lãi (+), lỗ (-):	-414.028.720.655 đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. 

Nơi nhận:

- ĐH đồng cổ đông.
- HĐQT. BKS;
- Lưu: VT. TK.

GIÁM ĐỐC



Thân Thế Đăng

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty
(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (CPC) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2018 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8);

Căn cứ các Quyết định số 318/QĐ-ĐLTKV ngày 27/02/2019, Quyết định số 665/QĐ-ĐLTKV, ngày 03/4/2019 về việc thay đổi Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Điện lực - TKV-CTCP tại CPC. Theo đó ĐLTKV, cổ đông giữ cổ phần chi phối tại CPC đã có ý kiến:

1) Ông Nguyễn Văn Hải Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực - TKV (ĐLTKV) thôi là Người đại diện phần vốn của ĐLTKV tại CPC và thôi chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty.

2) Ông Nguyễn Trung Thực Phó Tổng Giám đốc ĐLTKV là Người đại diện phần vốn của ĐLTKV tại CPC tham gia HĐQT và giới thiệu ứng cử giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty;

3) Bà Nguyễn Thị Dung thôi là Người đại diện của ĐLTKV tham gia BKS tại CPC và thôi giữ chức Trưởng ban KS Công ty để Nghỉ hưu theo chế độ, từ ngày 01/3/2019.

4) Ông Nguyễn Văn Đức, Phó phòng Tổ chức Hành chính CPC là Người đại diện của ĐLTKV tham gia Ban KS tại CPC, ứng cử giữ chức Kiểm soát viên CPC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) Công ty. *ƯĐ*

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

Thực hiện Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp (Luật số 68/2014/QH13) và Điều 35 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty năm 2018.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra hoạt động quản lý của HDQT và Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018; tính tuân thủ pháp luật trong hoạt động quản lý. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông như sau:

I. Về hoạt động quản lý của HDQT và Ban giám đốc

Trong năm 2018 về cơ bản HDQT đã thực hiện theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2018. Kết quả thực hiện sản lượng, doanh thu và lợi nhuận: So với nghị quyết ĐHCĐ năm 2018: Sản lượng đạt 75,4%, doanh thu đạt 76,4% dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận không đạt theo nghị quyết, năm 2018 thực hiện lợi nhuận - 414,028 tỷ đồng /50 tỷ đồng so với kế hoạch đã đề ra.

Năm 2018, HDQT đã họp thường kỳ 55 phiên họp và ban hành tổng số 125 nghị quyết, quyết định (trong đó 01 nghị quyết ĐHCĐ), bằng hình thức họp trực tiếp, họp lấy phiếu biểu quyết bằng văn bản, họp trực tuyến, theo đúng trình tự: Căn cứ vào Tờ trình của Giám đốc với HDQT, HDQT tiến hành họp, thư ký HDQT tổng hợp có sự giám sát của Ban Kiểm soát, HDQT ban hành quyết định để Giám đốc thực hiện.

Các Nghị quyết và Quyết định do HDQT ban hành đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Các vấn đề lớn tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua đã được HDQT thực hiện qua các quyết định.

Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị đảm bảo tuân thủ điều lệ, các quy chế nội bộ của đơn vị và kỷ luật điều hành của Tổng công ty Điện Lực - TKV trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị trong năm 2018.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng dài hạn và hằng năm trình Tổng công ty phê duyệt.

- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm được công bố công khai trước ĐHĐCĐ năm 2018.

- Bầu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng đơn vị theo đúng quy định của Tổng Công ty Điện lực – TKV.

- Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và các lợi ích khác đối với cán bộ CNVCLĐ theo đúng quy định.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát

Sau khi bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 BKS đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm và quyền hạn được cổ đông góp vốn ủy quyền, xây dựng quy chế hoạt động; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong BKS. Lập kế hoạch hoạt động (quý, năm), kế hoạch kiểm soát theo chuyên đề làm cơ sở thực hiện.

Các thành viên trong Ban kiểm soát có sự thống nhất cao trong quá trình hoạt động và được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng; Định kỳ hàng quý, tháng, đột xuất tổ chức các cuộc họp để đánh giá mức độ hoàn thành của các thành viên BKS và thống nhất nội dung cuộc họp cũng như ý kiến đưa ra trong các phiên họp HĐQT.

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát tại Công ty theo đúng quy định, đã thực hiện kiểm soát theo các nội dung:

- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Xem xét Báo cáo tài chính và kiểm tra chọn mẫu một số chứng từ liên quan đến hoạt động tài chính như: Các khoản chi tiêu tài chính, kế hoạch giải ngân, tình hình huy động và sử dụng vốn của Công ty.

- Công tác quản lý chi phí hoạt động của Công ty.

- Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2018 để đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong quá trình kiểm soát, Ban kiểm soát đã trao đổi trực tiếp với các phòng trong Công ty về những vấn đề còn tồn tại cần khắc phục. Kết thúc mỗi kỳ kiểm soát Ban kiểm soát đều có báo cáo gửi HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trong đó nêu rõ những nhận xét và kiến nghị về những nội dung được kiểm soát. Về cơ bản các kiến nghị của Ban kiểm soát đã được Công ty nghiêm túc tiếp thu và triển khai thực hiện.

III. Kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018

Kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch SX kinh doanh năm 2018:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông năm 2018; Quyết định số 28/QĐ - HĐQT ngày 26/4/2018 của HĐQT Công ty cổ Phần Nhiệt điện Cẩm Phả về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2018 và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2018, Ban giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện đạt một số chỉ tiêu chủ yếu so với kế

hoạch: Sản lượng đạt 75,4%; doanh thu đạt 76,4% so kế hoạch; lợi nhuận:- 414,028 tỷ đồng/ kế hoạch 50 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗi do sản lượng không hoàn thành theo KH năm do trong năm 2018 có nhiều sự cố máy móc thiết bị xảy ra nhất là sự cố gãy đai xuyên tầng cánh cuối phía máy phát dẫn đến phải dừng tổ máy S2 tháng 3 và sự cố chạm đất stator máy phát S1 tháng 4 đã làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng điện sản xuất trong năm 2018, mặt khác giá bán điện bình quân năm 2018 thấp hơn so với giá kế hoạch nên đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: tr.đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)	Ghi chú
I - Chỉ tiêu sản lượng				
1. Điện SX (Mwh)	3.600.000	2.715.406	75,43	
2. Điện thương phẩm (Mwh)	3.234.960	2.406.697	74,4	
II- Doanh thu (điện thương phẩm)	4.234.182	3.202.834	72,6	
III. Doanh thu tài chính, DT khác		3.262		
IV- Lợi nhuận	50.000	- 414.028		

2. Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ
I	Công trình chuyển tiếp	13.955	13.776	99%
	Dự án nhóm C	13.955	13.776	99%
1	Chi phí xây lắp	300		
2	Chi phí thiết bị	13.401	13.500	101%
3	Chi phí khác	254	276	109%
II	Công trình khởi công mới	1.707	1.469	86%
1	Chi phí xây lắp			
2	Chi phí thiết bị	1707	1.469	86%
3	Chi phí khác			
III	Chuẩn bị dự án	326	226	69%
	Tổng cộng	15.988	15.472	97%

1.1. Công trình chuyển tiếp

1.1.1. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015

- Thực hiện theo Quyết định đầu tư số 134/QĐ-CPC ngày 05/7/2017 của HĐQT Công ty.

- Đã thực hiện xong các hợp đồng: (i) Tư vấn xây dựng và đào tạo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; (ii) Đánh giá và cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Đã ban hành các quy trình ISO và đưa vào áp dụng; hoàn thành đào tạo đánh giá nội bộ; đã thực hiện việc đánh giá và xác nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ ISO vào ngày 11/10/2018. Đang thẩm định báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

1.1.2. Dự án đầu tư hệ thống giám sát phát thải các lò hơi số 1,2,3 và 4 (CEMS) NMNĐ Cẩm Phả và kết nối với TTQTM Tỉnh Quảng Ninh;

- Thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án: Quyết định số 153/QĐ-CPC ngày 28/7/2017 của HĐQT Công ty.

- Đã nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Kiện toàn các hồ sơ, tài liệu báo cáo và mời Sở Tài nguyên- Môi trường tham gia chứng kiến đảm bảo việc truyền dữ liệu về Trung tâm điều hành Tập đoàn TKV tại Quảng Ninh và đã được Sở Tài nguyên- Môi trường dán tem và chấp thuận truyền dữ liệu online về Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ninh ngày 29/11/2018. Đang thẩm định báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

1.1.3. Dự án lắp đặt hệ thống đo đếm dự phòng 2

- Thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án số 117/QĐ-CPC ngày 26/4/2018 của của HĐQT Công ty.

- Do không lựa chọn được nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu, nên HĐQT đã có các quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu số 218/QĐ-CPC ngày 15/10/2018 và quyết định phê duyệt điều chỉnh TMĐT và KHLCNT số 219/QĐ-CPC ngày 15/10/2018.

- Công ty tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quyết định số 219/QĐ-CPC của HĐQT. Ngày 14/11/2018 đến hạn đóng thầu nhưng không có nhà thầu tham dự. Đã báo cáo hủy thầu và tổ chức đấu thầu lại, thời gian phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày 05/12/2018. Công ty đã đánh giá và lựa chọn được nhà thầu. Đến ngày 04/01/2019, HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

1.2. Công trình khởi công mới

1.2.1 Dự án mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018

- Thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án số 116/QĐ-CPC ngày 26/4/2018 của HĐQT Công ty. Đã hoàn thành cung cấp vật tư 2 gói thầu và đang thẩm tra báo cáo quyết toán hoàn thành dự án.

1.3. Điều tra, khảo sát, quy hoạch, chuẩn bị dự án

1.3.1. Dự án sản xuất vật liệu xây dựng từ tro xỉ của NMNĐ Cẩm Phả

- Tổ chức triển khai dự án theo ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty Điện lực-TKV tại văn bản số 2237/ĐLTKV-ĐT ngày 29/12/2017.

- Công ty đã lập xong Đề án xử lý tro xỉ, tổ chức phê duyệt và báo cáo Bộ Công thương theo quy định tại văn bản số 523/TTg-CN ngày 20/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc các vướng mắc một số quy định tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017.

1.3.2. Dự án Nâng cấp hệ thống lọc bụi tĩnh điện

- Đã báo cáo Tổng công ty thông qua Đề cương - Dự toán công tác chuẩn bị dự án theo báo cáo số 220/BC-CPC ngày 17/10/2018. Hiện Tổng công ty đang xem xét.

1.3.4. Dự án Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động NMNĐ Cẩm Phả

- Hoàn thành công tác lập và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo Quyết định số 251/QĐ-CPC ngày 30/11/2018 của HĐQT Công ty.

- Công ty đang tổ chức công tác lựa chọn nhà thầu. Phát hành hồ sơ mời thầu từ ngày 12/12/2018 đến ngày 03/01/2019.

Nhìn chung việc triển khai các dự án đầu tư còn chậm và còn vướng mắc trong các thủ tục. Công tác quyết toán các dự án hoàn thành còn chậm.

IV. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018:

1. Tình hình vốn và tài sản tại ngày 31/12/2018:

1.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 31/12/2018:

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	I	2
A	Tài sản ngắn hạn	100	949.265.766.352	722.199.573.690
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	60.721.687.330	9.103.395.124
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	788.504.973.205	612.688.415.901
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	786.642.712.409	608.736.311.286
VI	Hàng tồn kho	140	78.012.235.751	46.547.149.773
1	Hàng tồn kho	141	78.012.235.751	46.547.149.773
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	22.026.870.066	53.860.612.892
B	Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200	6.177.162.758.180	6.707.928.224.190
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0
II	Tài sản cố định	220	5.464.296.842.398	5.979.269.609.413
1	Tài sản cố định hữu hình	221	5.463.859.900.234	5.978.801.276.077
	* Nguyên giá	222	10.149.070.057.563	10.134.974.108.375
	* Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(4.685.210.157.329)	(4.156.172.832.298)
2	Tài sản cố định vô hình	227	436.942.164	468.333.336
	* Nguyên giá	228	736.107.762	598.000.000
	* Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(299.165.598)	(129.666.664)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	5.904.225.454	1.996.444.990
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		0
VI	Tài sản dài hạn khác	260	706.961.690.328	726.662.169.787
2	Chi phí trả trước dài hạn	261	668.344.893.867	685.031.909.262
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	38.616.796.461	41.630.260.525
	Tổng cộng tài sản	270	7.126.428.524.532	7.430.127.797.880
C	Nợ phải trả	100	6.232.016.653.235	6.121.687.205.928
I	Nợ ngắn hạn	310	3.870.286.191.901	2.766.164.154.144
1	Phải trả ngắn hạn người bán	311	1.536.178.347.194	861.108.052.755
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	38.705.020	38.705.020
3	Thuế và các khoản phải nộp NS	313		0
4	Phải trả người lao động	314	9.035.808.946	18.498.365.714
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	412.522.966.024	276.353.870.062

9	Phải trả ngắn hạn khác	319	3.460.049.388	3.000.133.810
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.908.408.084.616	1.606.332.418.046
12	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	642.230.713	832.608737
II	Nợ dài hạn	330	2.361.730.461.334	3.355.523.051.784
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.361.730.461.334	3.355.523.051.784
D	Vốn chủ sở hữu	400	894.411.871.297	1.308.440.591.952
I	Vốn chủ sở hữu	410	894.411.871.297	1.308.440.591.952
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.075.394.351.585)	(661.365.630.930)
	- LNST chưa phân phối kỳ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(661.365.630.930)	(559.263.272.930)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(414.028.720.655)	(102.102.358.000)
	Tổng cộng nguồn vốn	440	7.126.428.524.532	7.430.127.797.880

1.2 Công nợ phải thu:

Số dư đầu năm 2018: 612.688 triệu đồng trong đó của EVN: 607.126 triệu đồng
 Dư cuối kỳ 31/12/2018: 788.505 triệu đồng trong đó EVN: 785.417 triệu đồng
 Nguyên nhân tăng so với đầu năm 2018 do hạch toán chênh lệch tỷ giá năm 2016, thuế tài nguyên, chênh lệch thay đổi tiêu chuẩn than và doanh thu tháng 12 năm 2018 dẫn đến làm tăng công nợ phải thu của EVN.

* Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Dư đầu kỳ năm 2018: 473 tr.đ; trích lập trong năm 2018: 73 tr.đ
- Dư cuối kỳ 31/12/2018: 547 tr.đ.

1.3 Tình hình nợ phải trả đến 31/12/2018

Chủ yếu là nợ vay dài hạn đầu tư dự án Cẩm Phả 1&2 và vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán các khoản chi phí trong SX kinh doanh:

- * Vay ngắn hạn ngân hàng đầu năm 2018: 599.939 tr.đ
- Số vay trong kỳ : 2.036.402 tr.đ
- Số đã trả nợ vay: 2.166.231 tr.đ
- Dư cuối kỳ: 470.110 tr.đ

Vay ngắn hạn giảm so với đầu năm nguyên nhân do cuối năm ngân hàng Công thương giảm hạn mức cho vay từ 500 tỷ đồng xuống còn vay 300 tỷ đồng đã làm ảnh hưởng đến thanh toán nợ tiền than trả cho TKV.

- * Vay dài hạn ngân hàng đầu năm 2018: 3.355.141 tr.đ
- Số vay trả nợ TKV: 502.354 tr.đ
- Số đã trả nợ vay: 1.109.792 tr.đ
- Chênh lệch tỷ giá tăng: 44.475 tr.đ
- Dư cuối kỳ: 2.792.178 tr.đ

Nguồn trả nợ từ khấu hao: 528.103 tr.đ

Số còn lại từ nguồn trả nợ từ nguồn khác: 581.689 tr.đ

Các khoản vay đến hạn đều trả nợ đúng hạn không có nợ quá hạn.

* Nợ ngắn hạn khách hàng số đầu năm 2018: 861.108 triệu đồng (trong đó nợ TKV: 779.449 triệu đồng)

Số nợ đến 31/12/2018: 1.536.178 triệu đồng (chủ yếu là nợ tiền than mua của TKV là: 1.413.073 triệu đồng). Nợ ngắn hạn tăng so với đầu năm tăng so với đầu

năm, nguyên nhân: Do thiếu nguồn trả nợ vay dài hạn bên cạnh đó ngân hàng Công thương Cẩm Phả giảm hạn mức vay ngắn hạn từ 500 tỷ đồng xuống hạn mức vay còn 300 tỷ đồng nên không thu xếp được nguồn để trả nợ tiền than cho TKV.

1.4. Hệ số nợ phải trả:

Hệ số nợ phải trả đầu năm 2018 : 4,68 lần

Hệ số nợ phải trả tại 31/12/2018: 6,96 lần

Tăng: 2,28 lần .

Nguyên nhân: Kết quả kinh doanh năm 2018 lỗ: 414,028 tỷ đồng, nên làm giảm vốn chủ sở hữu so với đầu năm dẫn đến hệ số nợ phải trả tăng lên 2,28 lần.

1.5. Hệ số bảo toàn vốn:

Hệ số bảo toàn vốn đầu năm 2018 : 0,66 lần

Hệ số bảo toàn vốn cuối năm 2018: 0,45 lần

So với đầu năm giảm 0,21 lần nguyên nhân do lợi nhuận năm 2018 lỗ : 414,028 tỷ đồng nên đã làm ảnh hưởng đến hệ số bảo toàn vốn. Công ty chưa bảo toàn được vốn.

1.6. Huy động vốn của các cổ đông:

Năm 2018 số vốn thực góp đến 31/12/2018 là: 1.969.806.222.882 đ.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

* Tổng doanh thu: 3.206.096.505.970 đ

* Tổng chi phí: 3.620.125.226.625 đ

* Tổng lợi nhuận: (414.028.720.655) đ

+ Đánh giá một số chỉ tiêu doanh thu, chi phí thực hiện tăng, giảm so với kế hoạch:

2.1. Về doanh thu:

* Doanh thu sản xuất điện năm 2018 không hoàn thành kế hoạch giao nên ảnh hưởng đến doanh thu năm 2018 chỉ đạt 76,37 % so với kế hoạch giao nên đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty: - 414,028 tỷ đồng

* Doanh thu tài chính, doanh thu khác: Tăng do lãi tiền gửi 615 triệu đồng, và doanh thu khác và thu nhập khác là: 2.647 triệu đồng

* Nguyên nhân: Năm 2018 do 4 lần sự cố lớn phải dừng tổ máy để sửa chữa dẫn đến thiếu hụt sản lượng điện là: 972 Tr.kWh, về sản lượng đạt 90% so với cùng kỳ năm 2017 về doanh thu đạt 88% so với cùng kỳ năm 2017 do giá bán bình quân so với kế hoạch giảm 32,15 đồng /kWh dẫn đến doanh thu không đạt theo kế hoạch giao.

2.2 Về chi phí:

a. Than: Trong năm 2018, yếu tố chi phí than thực hiện 0,653 kg/kWh tăng so với định mức được giao theo kế hoạch là 0,632 kg/kwh, đã làm tăng chi phí 59,25 tỷ đồng) do thời gian dừng sửa chữa kéo dài; nhiều thời điểm tổ máy vận hành với phương thức vận hành 1 lò, 1 máy; mặt khác công suất phát của các Tổ máy chỉ đạt tối đa được 85% công suất định mức theo thiết kế, dẫn đến suất tiêu hao than tăng.

b. Dầu khởi động, dầu DO: tăng 0,83 tỷ đồng

c. Điện động lực: Thực hiện 12,16% tăng so với định mức được giao theo kế hoạch là 11,59% làm tăng chi phí lên chi phí 17,7 tỷ đồng, do công suất phát của Tổ máy S2 phân lớn thời gian phát ở mức tải thấp. Ngoài ra, Công ty phải sử dụng một lượng lớn điện năng phục vụ cho công tác sửa chữa và khởi động lò hơi, tổ máy.

d. Chi phí vật liệu tăng: 8,3 tỷ đồng

* Nguyên nhân: Năm 2018 do 4 lần sự cố lớn phải dừng tổ máy để sửa chữa làm tăng chi phí để sửa chữa khắc phục sự cố.

3. Công tác quản lý:

3.1 Công tác sửa chữa tài sản cố định cấp trung đại tu (TĐT):

Các gói thầu TĐT: Năm 2018 đã thực hiện được 4 hạng mục, có 17 hạng mục chuyển tiếp sang năm 2019

* Các vướng mắc khi thực hiện công tác trung đại tu năm 2018:

- Phát sinh khối lượng công việc khi thực hiện trung đại tu: Quá trình lập tiên lượng và dự toán theo biên bản giải thể bước I nên chưa dự kiến được hết vật tư hỏng cần phải thay thế. Do vậy, khi triển khai phát sinh chi phí vật tư phải điều chỉnh dự toán và kéo dài thời gian thực hiện trung đại tu.

- Giá gói thầu được duyệt thấp dẫn đến không có nhà thầu tham gia, phải cho phép nhà thầu chào lại hoặc tổ chức lựa chọn nhà thầu nhiều lần hoặc phải hủy thầu để xin điều chỉnh dự toán, kéo dài thời gian thực hiện trung đại tu.

3.2. Công tác sửa chữa và dịch vụ thuê ngoài:

Qua xem xét một số hồ sơ sửa chữa có một số tồn tại như sau:

Công tác lập dự toán và quyết toán các hạng mục công trình sửa chữa còn chậm, ảnh hưởng đến công tác quyết toán vật tư cho phân xưởng, dẫn đến chi phí sửa chữa không phản ánh đúng kỳ kế toán. Chi phí sửa chữa thuê ngoài cao so với kế hoạch do trong năm phát sinh nhiều sự cố máy móc thiết bị đã vượt chi phí thuê ngoài tăng cao.

3.3 Công tác quản lý nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng:

Công ty đã quan tâm đến công tác mua bán nhập vật tư hàng tháng giảm tối đa số dư hàng tồn kho so với đầu năm 2018: (Dư đầu năm: 88,177 tỷ đồng cuối kỳ 31/12/2018 tồn kho: 116,63 tỷ đồng bao gồm cả vật tư của dự án). Hệ số tồn kho đầu năm là: 3,4 %, hệ số tồn kho cuối kỳ 2018: 4,83%, giá trị tồn kho tăng so với đầu kỳ là: 28,45 tỷ đồng, do tồn kho nhiên liệu tăng, chủ yếu do tăng tồn kho than cám phục vụ đốt lò đốt nghi Tết Dương lịch và chuẩn bị khởi động tổ máy S2.

Công tác quản lý vật tư đã dần đi vào nề nếp. Công tác thu cũ đổi mới đã thực hiện theo quy chế, quy định của Công ty, đã thành lập hội đồng để đánh giá các mặt hàng vật tư thu hồi nhưng bên cạnh đó đôi khi còn chậm. Vật tư chậm luân chuyển còn tồn nhiều qua các năm.

3.4. Công tác thanh toán hợp đồng EPC và kiểm toán vốn đầu tư hoàn thành dự án:

Dự án NMNĐ Cẩm Phả 1 & 2 đã xong. Công ty đã quyết toán với nhà thầu xây dựng nhà máy Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2, bên Kiểm toán dự án đã kiểm toán xong và phát hành báo cáo dự án hoàn thành cho dự án Cẩm Phả 2 và dự án Cẩm Phả 1. Công ty đã có công văn xin ý kiến Tổng công ty về việc thay đổi cơ cấu tổng mức đầu tư và cơ cấu Tổng dự toán.

3.5 Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ năm 2016:

Công ty bảo hiểm đang tập hợp hồ sơ xem xét chưa đi đến thống nhất trong tạm ứng giá trị bồi thường: Thời gian quá dài từ năm 2017 đến 31/12/2018 chưa thống nhất xong giá trị bồi thường.

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty, Giám đốc Công ty đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị đảm bảo tuân thủ, các quy chế nội bộ của đơn vị và kỷ luật điều hành của Tổng Công ty Điện lực - TKV trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản tuân thủ theo chế độ quản lý tài chính hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 do Công ty lập đã được kiểm toán

thực hiện theo quy định hiện hành và phản ánh đúng tình hình vốn và tài sản trong kỳ báo cáo của Công ty.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị Công ty khắc phục bổ xung hoàn thiện những tồn tại như đã nêu trên.
- Đề nghị Công ty thực hiện phân loại đánh giá vật tư chậm luân chuyển còn tồn đọng qua các năm.
- Đề nghị công ty đôn đốc Công ty bảo hiểm xác định về giá trị bồi thường bảo hiểm cháy nổ năm 2016.
- Đề nghị công ty quan tâm đến công tác thu hồi công nợ đối với: Công ty TNHH Dịch vụ & Thương mại Á châu, và Công ty CP SX & TM Nhất Thành Phát.
- Đề nghị công ty đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án hoàn thành dự án Cẩm Phả 1 và 2.
- Công ty cần tập trung và có giải pháp trong nhiệm vụ quản lý vốn, tài sản, tiết kiệm chi phí để khắc phục các khó khăn về tài chính để đưa Công ty ra khỏi danh sách giám sát tài chính đặc biệt theo QĐ số 1566/QĐ - ĐLTKV.

VI. Phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019:

Căn cứ vào quyền và nhiệm vụ được ghi trong điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2019 như sau:

- Thường xuyên thực hiện giám sát HĐQT và Giám đốc điều hành trong việc thực hiện kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2019 đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
- Kiểm tra thường kỳ tính hợp lý, hợp pháp việc lập báo cáo tài chính quý, năm, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng 2019 và báo cáo năm 2019.
- Xem xét sổ sách chứng từ kế toán các tài liệu khác khi thấy cần thiết hoặc khi có yêu cầu đột xuất của Đại hội đồng cổ đông hoặc của nhóm cổ đông.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát báo cáo Đại hội Đồng cổ đông về hoạt động quản lý của HĐQT và Giám đốc trong năm 2018.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:

- Ban KS TCty;
- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, BKS, TK.



Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-CPC ngày 25/4/2019 của CPC)

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (CPC) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2018 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8);

Thực hiện “ Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Công ty cổ phần” theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều 35 Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - TKV.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - TKV kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty Điện lực - TKV và là công ty kiểm toán được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

Kính trình và xin ý kiến Đại hội./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông ;
- HĐQT; BKS Cty;
- Lưu: VT, TK.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lưu Thị Thu Hà